

**Bản tin**

# Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

**Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ**

*Số 13 ra ngày 27/03/2023*

*Trong số này:*

*Trang*

<b>ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ</b>	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
<b>TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI -</b>	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
<b>BỘ CÔNG THƯƠNG</b>	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU .....	4
<b>Phòng Thông tin</b>	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giám mạnh.....</i>	4
<b>Xuất nhập khẩu</b>	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	8
655 Phạm Văn Đồng –	<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm do nhu cầu yếu.....</i>	12
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	18
<b>Bộ phận biên tập:</b>	<i>Quý I/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam giám mạnh.....</i>	20
Tel: (024) 22192875	<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	24
Phụ trách nội dung	<b>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....</b>	26
ĐD: 0986836889	<i>Hiệp hội Nội thất Nga đề xuất áp thuế 50% đối với đồ nội thất nhập khẩu từ Châu Âu.....</i>	26
<b>Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:</b>	<i>Ngành lâm nghiệp Thụy Điển đạt xuất khẩu đạt mức cao trong năm 2022, nhờ giá tăng.....</i>	26
Tel: (024) 37152586	<i>EU thông qua quy định sản phẩm không phá rừng.....</i>	27
(024) 37152585	<b>THAM KHẢO .....</b>	28
(024) 37152584	<i>Nhiều lưu ý về C/O mẫu D .....</i>	28
Fax: (024) 37152574	<i>Hội chợ Ngành lâm sản Thụy Điển .....</i>	28

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.  
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

### 1. Kinh tế thế giới

Những căng thẳng trong lĩnh vực ngân hàng thời gian qua khiến kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với rủi ro. Chỉ trong vòng 11 ngày, 4 ngân hàng lớn tại Mỹ và châu Âu phá sản. Động thái của các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý nhằm cung cấp thanh khoản và mở rộng bảo hiểm tiền gửi có thể sẽ ngăn chặn một cuộc khủng hoảng tài chính lớn, nhưng các điều kiện tài chính bị thắt chặt sẽ tiếp tục kìm hãm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, FED và ECB tiếp tục tăng lãi suất cơ bản nhằm kiểm soát tình trạng lạm phát cao kéo dài sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Mỹ và Eurozone.

Tại Mỹ: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục nâng lãi suất thêm 25 điểm lên 4,75% - 5% trong cuộc họp tháng 3/2023, đẩy chi phí đi vay lên mức cao mới kể từ năm 2007 do lạm phát vẫn tăng cao. Fed dự tính sẽ nâng lãi suất thêm 1 đợt trong năm 2023, trước khi chấm dứt cuộc chiến chống lạm phát. Trong dự báo mới nhất, Fed giữ nguyên mức lãi suất đỉnh 5,1%, tương đương với phạm vi mục tiêu 5%-5,25% và sẽ giảm xuống 4,3% vào năm 2024. Fed cho rằng hệ thống ngân hàng của Mỹ vẫn lành mạnh, linh hoạt và những biến động gần đây có thể dẫn đến các điều kiện tín dụng chặt chẽ hơn đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp, đồng thời ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, tuyển dụng và lạm phát.

FED cũng điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ. Theo đó, tăng trưởng DGP của Mỹ năm 2023 sẽ chỉ tăng 0,4%, so với mức tăng 0,5% trong dự báo tháng 12/2022; dự báo lạm phát nâng lên mức 3,3%, cao hơn dự báo 3,1% đưa ra trước đó và tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 4,5%. FED cũng hạ dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ năm 2024 xuống 1,2%, từ dự báo tăng 1,6% trong báo cáo tháng 12/2022.

Trong khi đó, các thông tin công bố cho thấy thị trường lao động Mỹ vẫn ổn định. Theo Bộ Lao động Mỹ, số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới tại nước này trong tuần kết thúc ngày 11/3/2023 đã giảm mạnh hơn dự kiến, giảm 20 nghìn đơn, xuống mức 192 nghìn đơn, thấp hơn mức dự báo 205 nghìn đơn. Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trung bình trong 4 tuần, chỉ số ổn định hơn so với dữ liệu hàng tuần, cũng giảm xuống còn 196,5 nghìn đơn. Điều đó cho thấy thị trường lao động tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, bất chấp tình trạng hỗn loạn của thị trường tài chính sau vụ phá sản của 3 ngân hàng Mỹ.

Tại Trung Quốc: Các thông tin công bố cho thấy kinh tế Trung Quốc phục hồi không đồng đều khi doanh số bán lẻ tăng, nhưng sản xuất công nghiệp tăng trưởng chậm hơn dự kiến và đặc biệt là thị trường bất động sản vẫn yếu. Tháng 2/2023, giá nhà mới trung bình tại 70 thành phố lớn của Trung Quốc đã giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là tháng thứ 10 liên tiếp giá nhà mới tại Trung Quốc giảm, nhưng tốc độ giảm là thấp nhất kể từ tháng 7/2022.

Trước sự phục hồi không đồng đều của nền kinh tế, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã thông báo cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và giữ nguyên cơ sở cho vay trung hạn để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Theo đó, từ ngày 27/3/2023, tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) của các ngân hàng nước này sẽ được giảm 0,25%, biện pháp hạ RRR không áp dụng với những ngân hàng đã triển khai RRR ở mức 5%. Việc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc ước tính sẽ giải phóng 500 tỷ NDT thanh khoản dài hạn vào hệ thống. Trong khi lãi suất cơ bản cho vay 1 năm và 5 năm (LPR) không thay đổi ở mức 3,65% và 4,30% tương ứng trong tháng 3/2023, là tháng thứ 7 liên tiếp giữ ổn định.

Tại châu Âu: Những biến động trên thị trường thời gian vừa qua khiến niềm tin kinh doanh trong khu vực giảm xuống. Theo đó, Chỉ số ZEW về tâm lý kinh tế của Khu vực đồng Euro trong tháng 3/2023 giảm 19,7 điểm xuống còn 10, từ mức cao nhất trong một năm là 29,7 trong tháng 2/2023 và thấp hơn mức dự báo của thị trường là 16. Đây là lần

giảm điểm đầu tiên sau 5 tháng tăng liên tiếp, trong bối cảnh triển vọng kinh tế không chắc chắn do những bất ổn gần đây trong hệ thống ngân hàng.

## **2. Kinh tế trong nước**

Những bất ổn của kinh tế thế giới tiếp tục có tác động đến hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 3/2023. Theo ước tính, tháng 3/2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt 59,1 tỷ USD, giảm 12,1% so với tháng 3/2022; trong đó xuất khẩu ước đạt 29,5 tỷ USD, giảm 15%, nhập khẩu ước đạt 29,6 tỷ USD, giảm 9%. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước ước đạt 154,9 tỷ USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó xuất khẩu ước đạt 79,1 tỷ USD, giảm 12%, nhập khẩu ước đạt 75,8 tỷ USD, giảm 13,9%.

Tuy nhiên, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2023 đã xuất hiện những điểm sáng khi xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản phục hồi như rau quả, gạo, hạt điều, cà phê, hạt tiêu. Trong khi nhập khẩu nhiều mặt hàng nguyên liệu cho sản xuất tăng trở lại như nhóm nguyên, phụ liệu cho ngành dệt may, da giày, hóa chất, nguyên phụ liệu dược phẩm... Đây là tín hiệu cho thấy hoạt động xuất khẩu hàng hóa có khả năng phục hồi trong những tháng tới.

Bên cạnh đó, sau động thái giảm lãi suất điều hành từ ngày 15/03/2023 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), lãi suất huy động tại các ngân hàng tiếp tục giảm. Theo thông tin từ NHNN, lãi suất tiền gửi phát sinh mới của các ngân hàng thương mại đang ở mức khoảng 6,7%/năm và lãi suất cho vay phát sinh mới khoảng 9,4%/năm. Với những diễn biến trên thị trường hiện nay có thể thấy mục tiêu giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế của Ngân hàng Nhà nước đang gặp thuận lợi. Theo đó, lãi suất cho vay có thể giảm rõ rệt hơn bắt đầu từ quý II/2023.

Trong 3 tháng đầu năm 2023, mặc dù nhu cầu vay vốn của nền kinh tế vẫn rất lớn, nhưng do lãi suất cao nên tăng trưởng tín dụng ở mức thấp. Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước), tăng trưởng tín dụng đến 17/3/2023 mới đạt khoảng 1%. Do đó, với việc lãi suất huy động liên tục giảm, nguồn vốn cho vay dồi dào, nhiều khả năng các ngân hàng sẽ giảm lãi suất cho vay trong thời gian tới.

## **THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN**

### **TRONG NƯỚC:**

- Ước tính, trong tháng 3/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,2 tỷ USD, tăng 36,3% so với tháng 2/2023, nhưng giảm 22,8% so với tháng 3/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 823 triệu USD, tăng 47,7% so với tháng 2/2023, nhưng giảm 30% so với tháng 3/2022. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 2,88 tỷ USD, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,87 tỷ USD, giảm 38,5% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 14/3/2023 đến ngày 21/3/2023 đạt 294,6 triệu USD, tăng 7,8% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 182,9 triệu USD, tăng 7,3% so với tuần trước.
- Ước tính, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 3/2023 đạt 220 triệu USD, tăng 46,3% so với tháng 2/2023, nhưng lại giảm 7,6% so với tháng 3/2022. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 491 triệu USD, giảm 27,8% so với cùng kỳ năm 2022.
- Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 3/2023 đạt 415,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 147,5 triệu USD, tăng 28,0% về lượng và tăng 27,4% về trị giá so với

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

tháng 2/2023; tuy nhiên so với tháng 3/2022 lại giảm 7,4% về lượng và giảm 12,3% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 973,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 350,9 triệu USD, giảm 21,4% về lượng và giảm 24,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Theo thống kê sơ bộ, trong tuần từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 40,5 triệu USD, giảm 8,4% so với tuần trước.
- Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong tháng 3/2023 đạt 70 triệu USD, tăng 23,5% so với tháng 02/2023, nhưng giảm 21,5% so với tháng 3/2022. Tính chung trong quý I/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm ước đạt 172,42 triệu USD, giảm 35,1% so với cùng kỳ năm 2022
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 07/3/2023 đến 21/3/2023 đạt 30,10 triệu USD, giảm 2,9% so với kỳ trước (từ 21/02/2023 đến 07/3/2023).

### QUỐC TẾ:

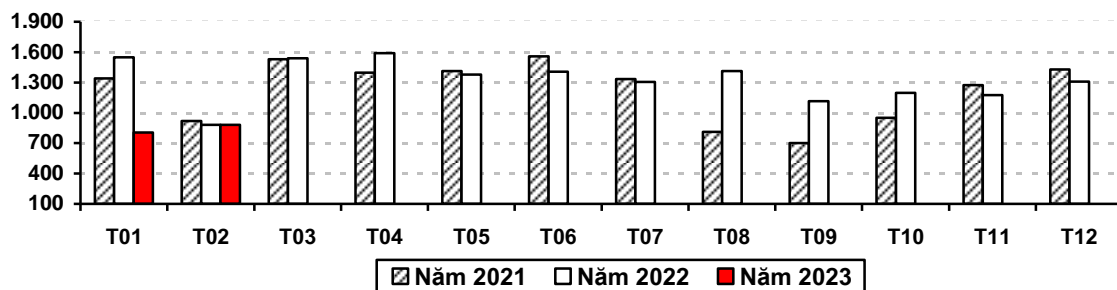
- **Nga:** Bị ảnh hưởng bởi cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina, Châu Âu từ chối nhập khẩu gỗ từ Nga, hiện tại các thương nhân gỗ của Nga đang phải đối mặt với những thách thức lớn để duy trì ngành gỗ.
- **Thụy Điển:** Ngành lâm nghiệp Thụy Điển đã ghi nhận trị giá xuất khẩu đạt 182 tỷ Krona (tương đương 17,7 tỷ USD) vào năm 2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu bột giấy và giấy tăng mạnh nhờ giá cao, mặc dù lượng xuất khẩu giảm.
- **EU:** Một luật mới của EU về ngăn chặn việc nhập khẩu các mặt hàng liên quan đến nạn phá rừng có thể gây rủi ro cho các nhà sản xuất gỗ và đồ nội thất hoặc nông dân, những người không thể đáp ứng chi phí cao để tuân thủ các tiêu chuẩn mới được thông qua.

## TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

### Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh

Ước tính, trong tháng 3/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,2 tỷ USD, tăng 36,3% so với tháng 2/2023, nhưng giảm 22,8% so với tháng 3/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 823 triệu USD, tăng 47,7% so với tháng 2/2023, nhưng giảm 30% so với tháng 3/2022. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 2,88 tỷ USD, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,87 tỷ USD, giảm 38,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng năm 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Sức mua trên toàn cầu giảm mạnh khiến kinh tế thế giới đối mặt với những khó khăn, thách thức, dẫn đến số các đơn hàng của ngành gỗ giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Đây là thực tế rất khó khăn đối với ngành gỗ. Hiện tại, những doanh nghiệp có đơn hàng thì chủ yếu là những đơn hàng nhỏ và chỉ nhận được các đơn hàng tới tháng 6/2023. Thông thường đến thời điểm này các doanh nghiệp đã có đơn hàng đồ gỗ ngoài trời (outdoor) và đang chuẩn bị nguyên liệu đến tháng 5, tháng 6 hàng phải làm xong, đến tháng 11 và tháng 12 xuất đi châu Âu để vào mùa hè nhà nhập khẩu bán ra, nhưng đến nay doanh nghiệp vẫn chưa có đơn hàng. Do các nhà nhập khẩu tồn kho còn nhiều, chỉ mặt hàng nào tồn kho xuống thấp khách đặt mới và doanh nghiệp mới có được đơn hàng.

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ sang Mỹ giảm rất mạnh, do chỉ số nhu cầu nhà ở của Mỹ trong tháng 2/2023 đã giảm 48,1% so với cùng kỳ năm trước, kéo theo nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường này giảm mạnh.

Đáng chú ý, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam tại thị trường Mỹ đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ. Do đó, việc Trung Quốc mở cửa nền kinh tế trở lại cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp gỗ trong năm 2023.

Trong khi đó, Mỹ là thị trường xuất khẩu chủ lực đối với ngành gỗ, vì vậy xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh sẽ tác động trực tiếp tới kết quả xuất khẩu chung. Do đó, khả năng tăng trưởng xuất khẩu của ngành gỗ dự báo sẽ kém khả quan trong nửa đầu năm 2023.

Ngoài ra, quy định mới đối với gỗ nếu trồng trên đất phá rừng sau năm 2020 sẽ không được nhập khẩu vào EU theo một thỏa thuận mới đây, cũng sẽ là yếu tố cản trở đà tăng trưởng của ngành gỗ.

Trong nửa cuối năm 2023, kỳ vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tích cực hơn khi các nền kinh tế được cải thiện, du lịch tăng cao khiến nhu cầu thay thế các sản phẩm nội thất tại nhà hàng khách sạn gia tăng; hoạt động xây dựng khởi sắc, kéo nhu cầu về đồ nội thất tăng...

Tại thời điểm hiện tại, nhiều doanh nghiệp không đặt mục tiêu lợi nhuận mà chỉ cần có đơn hàng để giữ lao động và đủ chi phí trang trải cho hoạt động của nhà máy. Mục tiêu của doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2023 là hoà vốn, và hy vọng đến quý III, quý IV thị trường sẽ tốt lên, doanh nghiệp vẫn có sẵn lực lượng để sản xuất. Để duy trì hoạt động trong giai đoạn khó khăn như hiện nay, nhiều công ty đã chủ động rà soát lại các chi phí để cắt giảm tối đa; đồng thời tìm những thị trường ngách, đơn hàng nhỏ để duy trì hoạt động, giữ chân công nhân chờ thị trường phục hồi. Thời gian này, các nhà máy cũng ưu tiên tái cấu trúc lại dây chuyền sản xuất, đầu tư trang thiết bị để giảm chi phí nhân công.

Bên cạnh đó, bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới, các doanh nghiệp cũng đa dạng hoá sản phẩm, vẫn lấy gỗ làm nguyên liệu chính nhưng gia tăng sự phối hợp với các loại vật liệu khác như kim loại, đá, kính, vải... để tăng tính thẩm mỹ và ứng dụng theo nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp đã tìm cách chuyển hướng sang tìm khách hàng ở các thị trường khác như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... nhằm bù đắp mức sụt giảm từ các thị trường chính.

**Về mặt hàng xuất khẩu:** Trong 2 tháng đầu năm 2023, hầu hết các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu đều có kim ngạch giảm mạnh, trừ mặt hàng dăm gỗ và viên nén gỗ. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng ghế đạt 350,4 triệu USD, giảm 39,2% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là mặt hàng dăm gỗ đạt 345,4 triệu USD, tăng 26%; đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 255,9 triệu USD, giảm 49,3%; gỗ, ván và ván sàn đạt 203,6 triệu USD, giảm 35,9%...



## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Đáng chú ý, trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2023, đồ nội thất văn phòng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, chỉ chiếm 1,9%. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này có nhiều cơ hội để mở rộng thị phần trên thị trường toàn cầu. Theo số liệu thống kê từ ITC, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ so với nhu cầu nhập khẩu lên tới gần 3,4 tỷ USD/năm trong giai đoạn năm 2018 – 2022. Đà tăng trưởng của mặt hàng đồ nội thất văn phòng phụ thuộc lớn vào sự khởi sắc của các nền kinh tế. Khi kinh tế tăng trưởng, thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển, qua đó nhiều công ty được thành lập sẽ đẩy mạnh nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nội thất văn phòng trong thời gian tới.

### Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 2/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>880.203</b>	<b>-1,9</b>	<b>1.680.658</b>	<b>-31,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ghế khung gỗ	186.728	-18,5	350.424	-39,2	20,9	23,4
Dăm gỗ	166.697	80,2	345.381	26,0	20,6	11,1
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	136.013	-25,2	255.850	-49,3	15,2	20,5
Gỗ, ván và ván sàn	111.532	9,2	203.582	-35,9	12,1	12,9
Đồ nội thất phòng ngủ	103.665	-19,2	183.147	-48,2	10,9	14,3
Đồ nội thất nhà bếp	65.579	-1,0	127.279	-31,4	7,6	7,5
Viên nén gỗ	60.522	64,0	119.789	30,5	7,1	3,7
Đồ nội thất văn phòng	14.247	-30,5	32.374	-41,6	1,9	2,3
Cửa gỗ	2.757	18,8	4.374	-21,2	0,3	0,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	1.256	0,6	3.141	-39,1	0,2	0,2
Khung gương	133	-41,5	359	-48,3	0,0	0,0

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Về thị trường xuất khẩu: Trong cơ cấu thị trường, gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Mỹ thường chiếm 60% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, tuy nhiên trong 2 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chỉ chiếm 46,7%, giảm 13,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu tới Mỹ, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính tới thị trường này, tuy nhiên chỉ số nhu cầu nhà ở của Mỹ trong tháng 2/2023 đã giảm 48,1% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, kim xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2023 giảm 46% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo Hiệp hội các nhà xây dựng nhà quốc gia Mỹ, doanh số bán nhà cho một hộ gia đình sẽ giảm xuống còn 744.000 căn trong 2023 (giảm 25,5% so với cùng kỳ năm 2022), trước khi tăng trở lại 925.000 căn vào năm 2024. Thị trường nhà ở giảm, kéo theo nhu cầu về đồ nội thất giảm là những yếu tố chính khiến triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ không mấy khả quan.

Trong bối cảnh thị trường thu hẹp, đơn hàng sụt giảm, nhiều doanh nghiệp đã tìm cách chuyển hướng sang tìm khách hàng ở các thị trường khác như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... nhằm bù đắp mức sụt giảm từ thị trường chính.

### Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 2/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>880.203</b>	<b>-1,9</b>	<b>1.680.658</b>	<b>-31,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 2/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
Mỹ	417.358	-25,4	784.609	-47,2	46,7	60,3
Nhật Bản	142.303	49,6	270.229	11,0	16,1	9,9
Trung Quốc	122.305	91,8	248.295	25,4	14,8	8,0
Hàn Quốc	63.892	24,1	127.795	-18,1	7,6	6,3
EU	40.465	-3,0	78.079	-38,5	4,6	5,2
Pháp	8.485	9,3	17.458	-25,9	1,0	1,0
Hà Lan	10.054	54,3	14.802	-23,8	0,9	0,8
Đức	5.518	-21,9	12.127	-55,1	0,7	1,1
Bỉ	2.959	-28,9	6.892	-47,1	0,4	0,5
Tây Ban Nha	2.641	25,9	5.382	-13,3	0,3	0,3
Đan Mạch	2.825	-17,5	5.446	-44,4	0,3	0,4
Italia	1.920	-10,2	3.602	-39,2	0,2	0,2
Thụy Điển	1.490	-37,7	3.072	-53,8	0,2	0,3
Ba Lan	1.263	-33,2	2.412	-51,9	0,1	0,2
Ái Len	991	-41,9	2.018	-47,9	0,1	0,2
Hy Lạp	610	83,4	1.022	6,8	0,1	0,0
Rumani	567	6,4	1.006	-19,1	0,1	0,1
Bồ Đào Nha	311	-38,7	657	-21,0	0,0	0,0
Croatia	184	-52,3	528	-30,0	0,0	0,0
Cộng Hoà Séc	186	25,0	323	-17,2	0,0	0,0
...						
Canada	13.802	2,1	24.468	-39,1	1,5	1,6
Anh	11.082	-20,2	24.245	-45,7	1,4	1,8
Malaysia	12.024	97,8	18.112	5,0	1,1	0,7
Australia	7.512	-10,0	15.718	-45,6	0,9	1,2
Đài Loan	8.498	136,6	11.164	-11,7	0,7	0,5
Ấn Độ	4.527	455,4	8.551	147,9	0,5	0,1
Thái Lan	4.329	11,1	7.923	-15,9	0,5	0,4
Indonesia	3.895	178,6	6.902	94,0	0,4	0,1
Singapore	3.335	87,5	5.585	27,1	0,3	0,2
Ả Rập Xê út	2.122	37,3	4.136	-4,6	0,2	0,2
Campuchia	2.336	136,6	3.948	18,3	0,2	0,1
Reunion	25	-1,9	3.597	3943,8	0,2	0,0
Mexico	2.002	129,4	3.408	-2,4	0,2	0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	1.525	893,0	2.659	694,7	0,2	0,0
Philippine	1.321	26,8	2.009	-25,6	0,1	0,1
New Zealand	787	-7,1	2.059	-46,2	0,1	0,2
UAE	1.090	-13,7	1.964	-44,9	0,1	0,1
Chilê	898	-14,6	1.672	-46,2	0,1	0,1
Ái Cập	350	537,8	808	-10,8	0,0	0,0
Thụy Sĩ	524	-43,6	791	-59,2	0,0	0,1
Ixraen	271	-24,6	785	7,5	0,0	0,0
Andora	309	-37,1	755	9,6	0,0	0,0
Nga	454	19,0	756	-41,0	0,0	0,1
Puerto Rico	400	-14,3	653	-63,7	0,0	0,1

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

**Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao trong 2 tháng đầu năm 2023**

Doanh nghiệp	Tháng 2/2023 (nghìn USD)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	26.361	43.437
CTY TNHH TIMBERLAND	14.728	40.513
CTY TNHH HẢO HƯNG	20.014	40.419
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	13.974	29.694
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	15.981	26.547
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	13.252	23.800
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	11.381	20.548
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	10.010	19.430
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	6.677	17.004
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	8.686	15.579
CTY TNHH XNK DẪM GỖ QUẢNG NINH	3.913	14.928
CTY CỔ PHẦN CẢNG THÁI HƯNG	3.340	14.845
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CÁI LÂN	7.045	14.698
CTY CỔ PHẦN 12 - 11 HẠ LONG	4.538	13.799
CTY CỔ PHẦN NGUYỆT ANH	7.815	13.238
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	4.051	12.352
CTY TNHH LIÊN DOANH CÁT PHÚ QUẢNG NINH	3.164	12.303
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	8.348	12.119
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CP PHÚ TÀI	6.031	11.459
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	4.068	10.956
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	5.097	10.862
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN PISICO QUẢNG NAM	7.537	10.657
CTY TNHH DANH ƯU	7.535	9.830
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ HOÀN THÀNH	-	9.169
CTY CỔ PHẦN EASTWOOD ENERGY	3.451	8.763
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ XNK DHT	5.435	8.691
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	3.770	8.496
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH	4.757	8.404
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - TM - DỊCH VỤ TÂN MỸ	3.877	7.792
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	4.578	7.611

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

## Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 14/3/2023 đến ngày 21/3/2023 đạt 294,6 triệu USD, tăng 7,8% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 182,9 triệu USD, tăng 7,3% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 121,7 triệu USD, giảm 9,6% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 9,5 triệu USD, tăng 5.975,9%; Nhật Bản đạt 9,5 triệu USD, giảm 0,8%; Hàn Quốc đạt 4,7 triệu USD, tăng 25,6%; thị trường Đài Loan đạt 4,5 triệu USD, tăng 838,3%...

**Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ gỗ óc chó, mdf, ván ép, veneer gỗ óc chó, kích thước	Cái	1	1.483,7	Cái Mép



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	168*56*86 cm				
	Bàn(vt15405-48)gỗ dương xẻ,gỗ cao su xẻ,sồi xẻ,ván sợi(mdf),ván ép,ván lạng (3252*990*762mm)	Cái	14	815,4	Cát Lái
	Ghế sofa ls72303a gỗ thông có nệm bọc da bò. Kích thước: 2250*900*790 mm	Cái	1	1.891,0	Cát Lái
Đảo British Virgin	Tủ gỗ thông 1950mm x 1020mm x 575mm	Cái	2	294,6	Gemalink
	Bàn gỗ thông 775mm x 1830 (2440)mm x 1120mm	Cái	20	219,8	Cái Mép
	Ghế gỗ thông 1080mm x 472mm x 540mm	Cái	24	39,7	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông 1950mm x 975mm x 345mm	Cái	6	143,4	Cái Mép
Đan Mạch	Ghế sofa bằng gỗ thông bọc vải 3-seater 2339 110*274*74cm	Bộ	5	482,8	Cát Lái
	Bàn cà phê có mặt và chân gỗ sồi (phi 38x50cm)	Cái	4	218,0	Cát Lái
	Tủ (l1200 x d300 x h720)mm gỗ thông	Cái	100	137,2	Gemalink
Đức	Kệ sách 5 tầng gỗ trầm, khung sắt (d.30 x w.70 x h.180cm)	Cái	30	107,0	Gemalink
	Tủ gỗ trầm, chân sắt, (d.45 x w.170 x h.88cm)	Cái	65	169,0	Gemalink
	Bàn 23310004/01 tirano gỗ trầm ghép fsc cert code sgshk-coc-370203,qc(240x100x77)	Cái	384	184,0	Qt Sp-Ssa (Ssit)
	Ghế gỗ bench 3 seater gỗ teak (160 x 67 x 89 cm)	Cái	75	159,9	Qui Nhon
Ai Len	Bàn ăn 2 mảnh-kiềng chân 180-260cm, kích thước (1800/2600mm x 1000mm x 790mm), gỗ thông, gỗ sồi	Cái	9	286,8	Cont Spitic
Ai Len	Kệ sách, kích thước (800x 320 x 1800mm), gỗ thông, gỗ sồi	Cái	6	107,5	Cont Spitic
	Tủ, kích thước (1500 x 600 x 2000mm), gỗ thông, gỗ sồi	Cái	6	241,5	Cont Spitic
	Giường gỗ sồi (nhãn hiệu dunloe-sks/n ) (2280 x 1930x 1350)mm	Cái	5	286,7	Cái Mép
Albania	Bàn sofa dùng trong phòng khách, item: 172-ot1030 (gỗ cao su, ván mdf) size: 1524*406*749mm	Cái	30	176,5	Cái Mép
	Ghế đã nhồi nệm dùng trong phòng khách, item 172-ot9001 (gỗ thông, ván mdf) quy cách: 470*394*635mm	Cái	13	49,5	Cái Mép
Anguyla	Tủ trang điểm gỗ dương, ván gỗ ép, ván mdf (1626*457*1016)mm	Cái	24	188,1	Cát Lái
	Bàn ăn tối amalia, màu gỗ nâu nhạt,chất liệu gỗ cao su,mdf giấy decan vân đá,size(800x800x760)mm	Cái	150	36,4	Gemalink
Anh	Ghế có tựa lưng ngoài trời 2 chỗ ngồi, gỗ keo1270 x 792 x 562mm	Cái	47	159,0	Cái Mép
	Bàn gỗ oak, poplar, veneer, 4305x3635x1530 (mm)	Cái	1	1.780,0	Cát Lái
	Kệ tầng có hộc kéo (750x350x1850)mm, gỗ sồi	Cái	30	214,0	Cát Lái
	Tủ gỗ oak, poplar, veneer, 1870x725x1180 (mm)	Cái	1	2.628,0	Cát Lái
Australia	Bàn (2800x1100x750) mm, gỗ sồi, mdf, veneer	Cái	20	519,0	Cát Lái
	Sofa (3725* 1065* 950)mm gỗ beech, ván ép e2 chống ẩm, mút chống cháy, nệm bọc vải	Cái	8	2.550,0	Cát Lái
	Tủ gỗ trầm, bạch đàn 2100x460x615mm	Cái	10	474,0	Cát Lái
	Kệ v-marl-018, qc (1000x400x2000) mm, gỗ thông	Bộ	7	145,5	Qt Sp-Ssa (Ssit)
Ba Lan	Bàn chữ nhật ( 240/190x90x75 cm)gỗ keo	Cái	25	151,0	Tiên Sa
	Ghế sofa 3 chỗ ngồi có tựa lưng, khung gỗ (166x67x80 cm) gỗ keo	Cái	100	112,1	Tiên Sa
Belize	Giường mbv1227 ke (2458*2134*1972)mm, gỗ thông	Bộ	18	330,3	Đồng Nai
	Tủ 51vva-boni60-007yj có gắn bồn rửa sứ(nktq) và mặt đá nhân tạo(nktq), dùng trong phòng tắm, qc (1524*559*876)mm, gỗ dương và mdf	Cái	50	439,2	Cái Mép
	Bàn 2151t-44108-t (2060*1185*200)mm, gỗ thông	Cái	33	241,2	Cái Mép
	Ghế 2151a-v(1285*525*420)mm, gỗ thông và vải pu	Cái	56	57,6	Cái Mép
Bỉ	Giường king dùng trong phòng ngủ - wbl026, kích thước 1654x2177x1120mm, gỗ trầm và gỗ sồi	Cái	20	172,0	Cái Mép
	Tủ 3 buồng dùng trong phòng ngủ - wbl025, kích thước 1400x660x1900mm, gỗ trầm và gỗ sồi	Cái	30	366,0	Cái Mép
	Bàn nhãn hiệu lp-116540 gỗ giá ty, qui cách 3000x1100x750mm	Cái	30	907,0	Gemalink
	Ghế nhãn hiệu lp-90847 gỗ giá ty, qui cách 3010x950x230	Cái	10	1.238,0	Gemalink

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	2060x950x230mm				
Các TVQ ở Rập thống nhất	Bàn ăn nhà bếp t7007c; gỗ cao su & ván mdf; bàn (50" x 28" x 19"h)	Cái	34	49,5	Cát Lái
	Giường nôi 7936641, (908x524x813)mm, (gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	51	134,2	Cát Lái
Canada	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông, đã nhồi nệm, 1550*1000*800mm	Cái	7	682,9	Đồng Nai
	Bàn văn phòng màu nâu hạt dẻ nguyênliệuvánmdf kết hợp gỗtràm kích thước3002x950x750(mm)	Cái	80	328,0	Qt sp-ssa (ssit)
	Giường 9131-54-5 (int1316/int1317/int1133) (1609*2104*1139)mm (gỗ óc chó xẻ,ván lạng gỗ birch,mdf,ván lạng gỗ óc chó)	Cái	50	385,0	Qt sp-ssa (ssit)
	Tủ 6 hộc n9003070-409 (1116*467*1520)mm, gỗ beech, mdf	Cái	3	480,0	Qt sp-ssa (ssit)
Chilê	Ghế có tay d7900-ac, nhãn hiệu d7900-ac (628.65 x 679.45 x1066.8)mm gỗ cao su	Cái	60	38,0	Cái Mép
	Tủ trên d7900-hh, (1397*990*1193) mm gỗ cao su	Cái	10	206,0	Cái Mép
Ấn Độ	Bàn:46" x 26" x 20" gỗ cao su, thông,điều,ván sơ ép,mdf,ván ép,ván lạng gỗ cherry(t637-20a)	Cái	15	79,0	Cát Lái
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông, đã nhồi nệm, 2180*870*850mm	Cái	10	710,0	Cát Lái
	Tủ : 28" x 21" x 33" gỗ dương,tràm,ván sơ ép,mdf,ván ép,ván lạng dán (b647-191w9)	Cái	10	54,0	Cát Lái
Hà Lan	Tủ otta 2 cánh 2 hộc 4 ngăn 95x42x190cm, gỗ tràm	Cái	12	237,3	Qt sp-ssa (ssit)
	Bàn gỗ keo 250x100x78cm	Cái	14	239,4	Tiên Sa
	Ghế (2s 80x174x69cm) -light teak look - gỗ acacia (gỗ keo)	Cái	77	179,1	Gemalink
Hàn Quốc	Giường ngủ sofa dạng ghế, tháo rời, vánmdf với gỗ thông,veneer,có bọc da (2335*125*885;2015*120*290;975*285*685;975*285*685)	Bộ	10	380,0	Cát Lái
	Bàn ăn vega gỗ sồi xẻ,gỗ beech, chân gang:2400x1000x745mm.	Cái	6	677,2	Cát Lái
	Ghế rio lounge gỗ sồi xẻ,gỗ beech, có nệm bọc vải, 690x825x740mm.	Cái	6	375,6	Cát Lái
	Kệ 120 a+b (3 tầng) bằng gỗ thông, kích thước 120x120x105.	Cái	20	450,0	Cát Lái
	Tủ vega sideboard bằng gỗ sồi xẻ,gỗ beech, chân gang, kích thước:2100x470x730mm.	Cái	6	716,8	Cát Lái
Hong Kong	Ghế gỗ dán, keo, sung dầu, ván lạng, mdf, mây đan, bọc vải (610x610x838mm)	Cái	6	716,7	Cái Mép
	Bàn gỗ dẻ gai, óc chó, ván lạng, mdf (2743x1117x762mm)	Cái	1	1.860,0	Long Bình-TPHCM
	Ghế gỗ dán, dương, sồi bọc vải (2381x610x457mm)	Cái	1	1.950,0	Long Bình-TPHCM
	Giường gỗ dán, dương, sồi, mdf, da (2159*1219*2261mm)	Cái	1	2.839,7	Long Bình-TPHCM
	Tủ gỗ óc chó, dẻ gai, ván lạng, mdf (1220x457x2311mm)	Cái	1	2.100,0	Long Bình-TPHCM
Hondura	Bàn ăn gỗ cao su, ván mdf, sử dụng trong nhà bếp d731-35 (42" w x 88" d x 30" h)	Cái	22	135,8	Cát Lái
	Tủ phòng ăn gỗ cao su, ván mdf d731-60 (60" w x 18" d x 32" h)	Cái	8	133,1	Cát Lái
Hy Lạp	Bàn mbd2 - gỗ thông & mdf, kích thước (110x32.5x76)cm	Cái	12	112,6	Gemalink
	Ghế c635/fc167 -gỗ thông, gỗ tần bì,ván mdf, được bọc đệm ngồi, kích thước (64x58.5x68.5)cm	Cái	16	180,5	Gemalink
	Tủ iab1 - gỗ thông, ván ép, kích thước (130x45x210)cm	Cái	2	612,9	Gemalink
Italia	Ghế 550016823 sofa 2 chỗ 2 tay u118-009 2220x940x870mm, gỗ thông	Cái	14	279,6	Cái Mép
	Bàn kéo giãn gỗ tràm dầu màu 230/320x110xh75cm	Cái	20	199,0	QT SP-SSA (SSIT)
Ixraen	Giường gỗ thông kết hợp mdf có hoa 190*120 - sử dụng cho phòng ngủ-46 , kt (2010*964*1071)mm	Bộ	45	136,6	Cát Lái
	Bàn gỗ bạch đàn fsc nassau rect. (1600x900x749)mm	Cái	5	119,9	Cont Spitc
Litva	Bàn dùng trong văn phòng gỗ tràm loại 1800/2300x900x780mm	Cái	35	233,9	Tân Thuận-TPHCM
	Ghế gỗ tràm loại 610x465x1015mm	Cái	50	36,2	Tân Thuận-TPHCM
	Tủ dùng trong văn phòng gỗ tràm loại 1800x450x850mm	Cái	46	233,9	Tân Thuận-TPHCM
Malaysia	Giường code: wik-qb05 :(1692x2295x1150)mm gỗ oak	Cái	30	225,0	Bà Rịa

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ code: wik-wd01plr : (1000x550x1950)mm gỗ oak	Cái	20	279,0	Bà Rịa
	Ghế gỗ cao su có bọc nệm-code: 1199f11s new-size: 712 x 832 x1080 mm	Cái	392	81,8	Cái Mép
Mexico	Bàn ăn gỗ xoan đào nhập khẩu, qc: 1614 x 935 x 783 cm	Cái	30	219,8	Cát Lái
	Ghế ăn có tay gỗ xoan đào, qc: 556 x 565 x 815 cm	Cái	60	92,3	Cát Lái
	Tủ tv - gỗ cao su và ván mdf, quy cách:(1917.7*508*825.5 mm), item: gsf882116-1	Cái	350	190,0	Cát Lái
	Giường nôi 7848365, qc: (1416x769x1096)mm, (gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	26	298,8	Cái Mép
Mỹ	Bàn gỗ oak, poplar, veneer kích thước: 2438x750x1016 (mm)	Cái	2	4.736,7	Cát Lái
	Ghế sofa ván ép, gỗ sồi, đã nhồi đệm, kích thước 254*104*81 cm, kl-so-01 klippen sofa alx4500-0017.c178	Cái	2	1.840,0	Gemalink
	Kệ được gỗ cao su, plywood, mdf, veneer, laminate, chỉ cạnh pvc, lưới thông gió bằng kim loại (158 x 24.625 x 33)"	Cái	6	1.131,0	Gemalink
	Giường ngủ gỗ dẻ gai, sử dụng trong phòng ngủ, kt:198.12 x 227.33 x 254.00cm	Cái	1	3.388,0	Cái Mép
	Tủ cạnh giường gỗ dẻ gai, sử dụng trong phòng ngủ, kt:210.8x50.8x81.3cm	Cái	13	2.310,0	Cái Mép
New Zealand	Giường queen-farmhouse (gỗ thông) 2275x1710x1230mm	Cái	6	218,7	Cát Lái
	Tủ tivi country (gỗ thông, ván ép) 1820x470x690mm	Cái	20	181,0	Cát Lái
Nhật Bản	Kệ dùng trong văn phòng (ván dăm, ván mdf, gỗ trầm ghép, gỗ cao su ghép) nhãn hiệu swella shelf w800 (805 x 1700 x 366) mm	Bộ	10	185,1	Cát Lái
	Bàn gỗ óc chó-cao su (1600x900x690) mm	Cái	10	280,9	Cát Lái
	Ghế sofa ls74102a gỗ thông có nệm bọc da bò. Kích thước: 2000*900*800/600mm	Cái	1	869,8	Cát Lái
	Tủ dùng trong văn phòng (ván dăm, ván mdf, gỗ sồi ghép) nhãn hiệu adr-lb002 (na) (1600 x 368 x 468) mm	Cái	20	199,7	Cát Lái
Pháp	Kệ tivi gỗ sồi (1874 x 534 x 304)mm	Cái	85	314,1	Cái Mép
	Bàn lat2 - gỗ thông, gỗ tần bì, kích thước (196x136x77)cm	Cái	1	702,1	Cont Spitic
	Ghế bọc da có khung gỗ cao su 23.caa.17c-c10-alu-3 (2000x940x760)mm.	Cái	1	871,2	Cont Spitic
	Giường a326 - gỗ tần bì, gỗ thông, mdf & ván ép (188.5x215.5x100)cm	Cái	1	584,8	Cont Spitic
	Tủ kệ iab2 - gỗ thông & ván ép, kích thước (250x90x239)cm	Cái	1	1.080,6	Cont Spitic
Puerto Rico	Tủ dgd100sv, gỗ trầm, ván ép, ván mdf, gỗ cao su 1524mmx457mmx1194mm	Cái	11	184,8	Cát Lái
	Bàn trang điểm dùng trong phòng ngủ (gỗ dương, gỗ thông, ván mdf) size 1755x483x919mm, item b984-31	Cái	22	175,4	Cát Lái
	Ghế fabric sofa bọc vải, khung gỗ thông, đã nhồi nệm, quy cách: 2300*1140*800mm	Cái	12	576,2	Cát Lái
Singapore	Kệ trưng bày gỗ óc chó 1590x390x780mm.	Cái	1	550,0	Cát Lái
	Giường gỗ tần bì, đoạn, dán mã code:22406.20-cg-05.a, kt:1879x2083x220mm	Bộ	4	267,0	Lạch Huyện
	Kệ tivi kèm tủ gỗ thông, gỗ đoạn (lime), gỗ thích cứng maple, gỗ dán, gỗ mdf kt:4217x632x2439 mm	Bộ	4	3.151,0	Lạch Huyện
	Tủ chậu rửa gỗ tần bì, gỗ dán, kt:1378x667x940 mm	Cái	6	815,0	Lạch Huyện
	Bàn gỗ óc chó(gỗ nk từ hđ:421, không nằm trong dm cites) đã qua xử lý cn.mã code:21506.cg-118b.mu, kt:1450x580x860mm	Cái	1	785,0	Đình Vũ
Tây Ban Nha	Bàn gỗ sồi 10679-001 (740 x 1600 x 950mm)không nhãn hiệu	Cái	34	312,5	Cát Lái
	Ghế băng denia có tựa lưng wcb336, qui cách : 57x 128.5x89.5 (cm), gỗ keo lá trầm	Cái	110	43,6	Tiên Sa
	Giường tắm nắng, gỗ keo, kt:1970x680x165mm	Cái	179	71,4	Tiên Sa
	Giường tắm nắng, gỗ keo, kt:800x760x135mm	Cái	198	22,8	Tiên Sa

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Thụy Điển	Bàn ăn model: 30021, gỗ teak, kt(mm): d2200x760, sử dụng trong nhà bếp	Cái	6	454,7	Cát Lái
	Kệ trang trí, đồ nội thất gỗ sử dụng trong phòng khách, làm từ: ván mdf, gỗ birch code:fs21, kt:(2220-2290*160-1470*95-140)mm	Cái	2	477,0	Cát Lái
	Tủ áo, đồ nội thất gỗ sử dụng trong phòng ngủ, ván mdf, gỗ birch, code: fs2, kt:(2215*645**165)mm	Cái	4	306,8	Cát Lái
Trung Quốc	Bàn 10117120bkok - (gỗ sồi, poplar) (3353x1168x762)mm	Cái	1	1.053,6	Cát Lái
	Kệ để trên sàn 10117283ltok - (gỗ beech, poplar) (710x508x2006)mm	Cái	1	571,6	Cát Lái
	Giường 10121546nok - (gỗ sồi, poplar) (2081x2177x1220)mm	Cái	5	1.015,7	Cát Lái
	Tủ 9 hộc kéo prana gỗ sồi xẻ, gỗ beech, chân gang, kích thước:1800x500x917mm.	Cái	10	1.125,0	Cát Lái
	Ghế bằng gỗ óc chó cần trưng sơn mài, kích thước 600*625*840.	Cái	1	1.386,4	KV. TPHCM
Xây sen	Bàn trang điểm - item: b786-31 (gỗ dương, gỗ cao su & ván mdf), size: 1575*457*766mm, dùng cho phòng ngủ	Cái	11	268,3	Cái Mép
	Ghế dài đã nhồi nệm, kt 1220*432*457mm( ván mdf, ván pb, gỗ cây dương, gỗ thông), item s924-380	Cái	12	56,5	Cát Lái
	Tủ hình bán nguyệt gỗ thông, gỗ poplar, ván mdf, ván ép phủ sơn 12102-vs72a-ac 1804*546*868 mm	Cái	36	412,0	QT SP-SSA(SSIT)
Xamoa	Ghế dài bọc nệm gỗ cao su, ván mdf rfc-kd-91059(1727*483*483)mm	Cái	7	79,5	Cái Mép
	Tủ gỗ cao su, gỗ vân sam, ván mdf (1067*457*1880)mm	Cái	30	293,2	Cái Mép

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm do nhu cầu yếu

### Tình hình nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 3 tháng đầu năm 2023

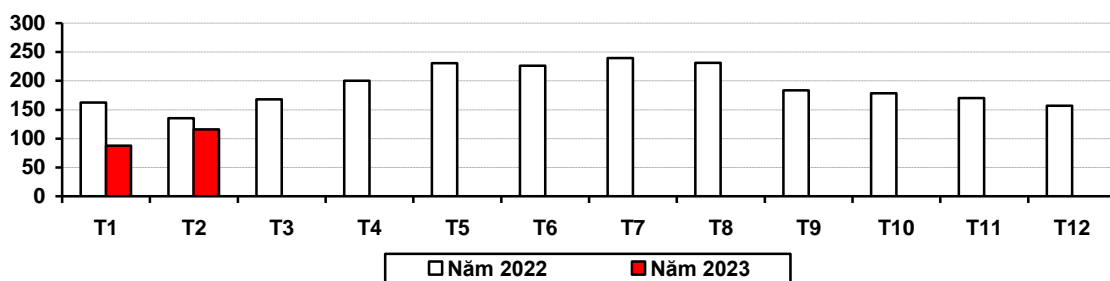
Ước tính, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 3/2023 đạt 220 triệu USD, tăng 46,3% so với tháng 2/2023; tuy nhiên so với tháng 3/2022 lại giảm 7,6%. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 491 triệu USD, giảm 27,8% so với cùng kỳ năm 2022.

### Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu 3 tháng đầu năm 2023

Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 3/2023 đạt 415,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 147,5 triệu USD, tăng 28,0% về lượng và tăng 27,4% về trị giá so với tháng 2/2023; tuy nhiên so với tháng 3/2022 lại giảm 7,4% về lượng và giảm 12,3% về trị giá.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 973,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 350,9 triệu USD, giảm 21,4% về lượng và giảm 24,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

**Trị giá nhập khẩu gỗ tần bì của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2022– 2023 (ĐVT: Triệu USD)**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Sau khi sụt giảm mạnh trong tháng 01/2023 vì có kỳ nghỉ Tết dương lịch và Tết Nguyên đán, bước sang tháng 02/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tăng trở lại. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, mức tăng chưa phản ánh xu hướng hồi phục vì năm 2022 Tết Nguyên đán diễn ra vào đầu tháng 2.

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 02/2023 đạt 324,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 115,7 triệu USD, tăng 38,9% về lượng và tăng 32,0% về trị giá so với tháng 1/2023; tuy nhiên so với tháng 2/2022 giảm 11,1% về lượng và giảm 14,4% về trị giá.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đạt 558,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 203,4 triệu USD, giảm 29,3% về lượng và giảm 31,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

### + Về thị trường nhập khẩu:

2 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Camêrun, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Cônggô, Ăngôla, Suriname, Gabông... Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Camêrun lớn nhất, chiếm 18,9% tổng lượng nhập khẩu, đạt 105,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 46,7 triệu USD, giảm 7,4% về lượng và không thay đổi về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường EU giảm 15,7% về lượng và giảm 17,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 82,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 24,8 triệu USD, chiếm 14,7% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Mỹ giảm 21,3%; Thái Lan giảm 47,2%; Trung Quốc giảm 56,3%; Lào giảm 13,7%; Chile giảm 27,5%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Cônggô tăng 43,5% về lượng và tăng 86,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 20,0 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 10,8 triệu USD, chiếm 3,6% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước như: từ Ăngôla tăng 48,4%; Malaysia tăng 106,7%; Suriname tăng 102,1%; Gabông tăng 24,9%...

### Thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2 tháng đầu năm 2023

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>558.163</b>	<b>203.430</b>	<b>364,5</b>	<b>-29,3</b>	<b>-31,7</b>	<b>-3,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Camêrun	105.394	46.661	442,7	-7,4	0,0	8,0	18,9	14,4
<b>EU</b>	<b>82.199</b>	<b>24.829</b>	<b>302,1</b>	<b>-15,7</b>	<b>-17,8</b>	<b>-2,4</b>	<b>14,7</b>	<b>12,4</b>
Bỉ	29.384	7.187	244,6	21,9	21,3	-0,5	5,3	3,1
Pháp	18.247	5.508	301,9	15,6	26,4	9,3	3,3	2,0
Đức	6.948	2.218	319,2	-52,9	-46,2	14,4	1,2	1,9
Hà Lan	5.908	1.806	305,7	-10,5	-17,6	-7,9	1,1	0,8
Thụy Điển	4.810	1.049	218,2	147,6	82,9	-26,1	0,9	0,2
Phần Lan	4.723	1.273	269,5	26,8	-4,9	-25,0	0,8	0,5
Croatia	3.014	1.826	605,7	-35,9	-35,9	0,0	0,5	0,6
Slovenia	2.459	1.275	518,3	-49,5	-34,9	28,8	0,4	0,6
Rumani	1.494	793	531,0	29,9	28,5	-1,0	0,3	0,1



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
Đan Mạch	1.355	437	322,6	-31,5	-12,6	27,6	0,2	0,3
Italia	1.256	411	327,3	42,1	19,4	-16,0	0,2	0,1
Ba Lan	989	392	395,9	-48,0	-30,5	33,6	0,2	0,2
Látvia	925	376	406,1	-91,5	-88,6	34,4	0,2	1,4
Estonia	404	152	376,8	-77,1	-73,2	17,2	0,1	0,2
...								
Mỹ	55.904	24.003	429,4	-21,3	-25,9	-5,9	10,0	9,0
Thái Lan	47.675	9.802	205,6	-47,2	-54,1	-13,0	8,5	11,4
Trung Quốc	43.500	22.739	522,7	-56,3	-56,2	0,2	7,8	12,6
Lào	28.432	13.907	489,1	-13,7	-29,1	-17,8	5,1	4,2
Chilê	20.271	5.122	252,7	-27,5	-47,0	-26,9	3,6	3,5
Cônggô	19.952	10.758	539,2	43,5	86,4	29,9	3,6	1,8
PN. Guinea	15.529	3.036	195,5	-26,2	-33,4	-9,7	2,8	2,7
New Zealand	15.186	6.562	432,1	-19,1	-10,6	10,4	2,7	2,4
Braxin	14.623	3.887	265,8	-58,7	-67,6	-21,7	2,6	4,5
Ăngôla	12.865	3.432	266,7	48,4	75,6	18,3	2,3	1,1
Malaysia	12.184	2.810	230,6	106,7	34,9	-34,8	2,2	0,7
Suriname	10.928	3.267	298,9	102,1	93,4	-4,3	2,0	0,7
Gabông	9.676	3.474	359,0	24,9	50,5	20,5	1,7	1,0
Nigêria	9.555	2.490	260,5	-47,7	-49,6	-3,6	1,7	2,3
Urugoay	6.612	1.474	223,0	-63,1	-69,5	-17,4	1,2	2,3
Nga	6.232	2.964	475,7	-75,6	-75,5	0,6	1,1	3,2
Nam Phi	5.430	1.492	274,9	-56,9	-52,1	11,2	1,0	1,6
Kenya	4.216	1.147	272,0	112,6	118,8	2,9	0,8	0,3
Indonesia	3.735	1.196	320,3	32,3	-23,5	-42,2	0,7	0,4
Canada	3.247	1.388	427,4	6,5	-35,3	-39,2	0,6	0,4
Australia	3.169	826	260,5	-68,1	-46,4	67,9	0,6	1,3
Gana	3.054	806	263,9	-27,2	-43,5	-22,4	0,5	0,5
E. Guinea	2.916	705	241,9	614,8	608,6	-0,9	0,5	0,1
Môdambic	2.298	570	247,9	56,3	54,4	-1,2	0,4	0,2
Nambia	1.818	537	295,4	-20,6	-10,8	12,4	0,3	0,3
Nhật Bản	1.133	523	461,3	-26,5	-6,9	26,6	0,2	0,2
Pêru	1.105	358	324,4	-71,4	-74,5	-10,7	0,2	0,5
Myanma	1.037	232	223,6	-32,9	-30,2	4,0	0,2	0,2
Xiera Lêôn	1.014	263	259,4	240,3	225,1	-4,5	0,2	0,0
Achentina	967	222	230,0	-90,9	-93,0	-22,6	0,2	1,3
Goatêmala	840	156	185,5	1671,1	597,8	-60,6	0,2	0,0
Anh	690	142	205,5	68,3	-29,9	-58,3	0,1	0,1
Guyan	496	162	326,9	-12,8	-6,1	7,7	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**+ Về chủng loại nhập khẩu:**

2 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu các chủng loại gỗ lớn như: gỗ lim, thông, sồi, dương, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: gỗ tần bì, gỗ, cao su, vân sam, căm xe, bằng lăng, dổi, mít...

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Nhập khẩu gỗ lim lớn nhất, chiếm 15,2% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2023, đạt 84,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 34,0 triệu USD, giảm 15,7% về lượng và giảm 16,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ thông giảm 48,9% về lượng và giảm 60,2% về trị giá so với cùng kỳ năm năm 2022, đạt 60,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 13,0 triệu USD, chiếm 10,8% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ sồi giảm 24,4% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 25,3 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 14,7 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ dương giảm 50,1%; hương giảm 6,6%; teak giảm 3,3%; sến giảm 12,9%; bạch đàn giảm 73,8%; dẻ gai giảm 16,0%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ tần bì trong 2 tháng đầu năm 2023 tăng 5,3% về lượng và tăng 20,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 55,8 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 14,5 triệu USD, chiếm 10,0% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ gồ tăng 15,2%; cao su tăng 73,7%; vân sam tăng 7,8%; căm xe tăng 19,5%; bằng lăng tăng 56,5%; dổi tăng 61,6%...

**Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>558.163</b>	<b>203.430</b>	<b>364,5</b>	<b>-29,3</b>	<b>-31,7</b>	<b>-3,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Lim	84.563	34.012	402,2	-15,7	-16,5	-0,9	15,2	12,7
Thông	60.211	12.992	215,8	-48,9	-60,2	-22,0	10,8	14,9
Tần bì	55.763	14.481	259,7	5,3	20,7	14,5	10,0	6,7
Gỗ	39.439	17.300	438,7	15,2	25,7	9,1	7,1	4,3
Sồi	25.293	14.699	581,1	-24,4	-25,7	-1,7	4,5	4,2
Dương	23.990	10.311	429,8	-50,1	-55,4	-10,6	4,3	6,1
Hương	22.462	8.092	360,2	-6,6	-25,7	-20,4	4,0	3,0
Cao su	11.360	2.908	256,0	73,7	47,2	-15,3	2,0	0,8
Teak	11.104	5.278	475,3	-3,3	-2,4	0,9	2,0	1,5
Sến	7.505	2.893	385,5	-12,9	7,1	22,9	1,3	1,1
Bạch đàn	6.499	1.706	262,6	-73,8	-70,1	14,2	1,2	3,1
Vân sam	5.459	1.384	253,5	7,8	-20,1	-25,8	1,0	0,6
Căm xe	5.424	2.408	444,0	19,5	-10,8	-25,3	1,0	0,6
Dẻ gai	4.630	2.197	474,6	-16,0	-13,4	3,2	0,8	0,7
Bằng lăng	4.273	1.214	284,2	56,5	51,6	-3,1	0,8	0,3
Xoan	4.160	1.542	370,8	-46,4	-41,2	9,7	0,7	1,0
Dổi	3.918	1.790	456,9	61,6	62,1	0,3	0,7	0,3
Óc chó	3.744	4.137	1104,9	-25,9	-37,6	-15,8	0,7	0,6
Mít	3.327	1.040	312,6	262,7	425,1	44,8	0,6	0,1
Gụ	2.769	1.559	563,0	-38,5	-37,6	1,5	0,5	0,6
Linh sam	2.732	954	349,1	-7,7	-7,8	-0,1	0,5	0,4
Sao	2.379	1.081	454,5	81,0	61,1	-11,0	0,4	0,2
Cắm	1.775	688	387,6	428,2	404,9	-4,4	0,3	0,0
Thích	1.354	873	644,9	-21,2	-24,8	-4,6	0,2	0,2
Bách nhật	1.241	331	266,8				0,2	0,0

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
Phong	1.228	553	450,3	226,7	149,3	-23,7	0,2	0,0
Hồ đào	940	445	473,5	-58,5	-48,8	23,5	0,2	0,3
Trần	869	346	397,9	-24,4	-42,6	-24,0	0,2	0,1
Muồng	767	383	498,6	310,3	330,0	4,8	0,1	0,0
Kiền Kiên	760	304	400,0	-33,6	-32,3	2,0	0,1	0,1
Độc cần	589	177	299,8				0,1	0,0
Anh đào	543	270	497,3	-18,8	-39,4	-25,4	0,1	0,1
Đoạn xẻ	515	232	451,2	19,3	21,5	1,8	0,1	0,1
Chiêu liêu	457	206	449,6	107,7	106,2	-0,7	0,1	0,0
Pơmu	435	241	553,8	-59,8	-61,6	-4,5	0,1	0,1
Bồ đề	369	112	304,2	-41,9	-43,4	-2,6	0,1	0,1
Dầu	315	172	544,3	325,8	831,5	118,8	0,1	0,0
Keo	310	110	354,4	1.479,3	1.311,8	-10,6	0,1	0,0
Tuyết tùng	277	91	327,6	-69,5	-55,2	46,9	0,0	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tham khảo nhóm gỗ nguyên liệu nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ tròn	237.905	79.307	333,4	-9,9	1,0	12,1
Gỗ xẻ	226.379	90.784	401,0	-32,5	-39,2	-9,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

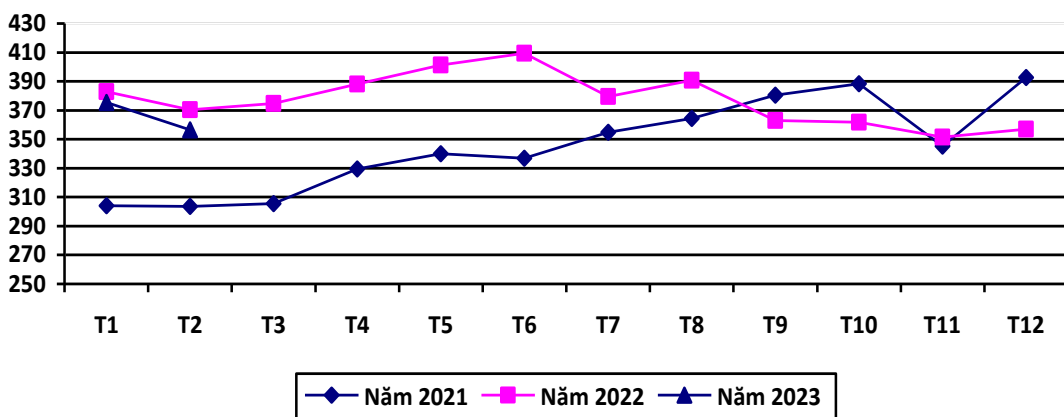
**+ Về giá nhập khẩu:**

2 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân các loại gỗ nguyên liệu của Việt Nam đạt 364,5 USD/m<sup>3</sup>, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 302,1 USD/m<sup>3</sup>; Mỹ giảm 5,9%, xuống 429,4 USD/m<sup>3</sup>; Thái Lan giảm 13,0%, xuống còn 205,6 USD/m<sup>3</sup>...

**Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2021 - 2023**

(ĐVT: USD/m<sup>3</sup>)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Dự báo:**

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam 2 tháng đầu năm 2023 giảm mạnh 31,8% so với cùng kỳ năm 2022 do nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này của các thị trường chính như Mỹ, châu Âu (EU)... vẫn chưa phục hồi.

Với tình hình đơn hàng vẫn sụt giảm, dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong quý I/2023 sẽ tiếp tục giảm. Nguyên nhân của việc sụt giảm là do nhiều thị trường lớn trên thế giới vẫn đối mặt với lạm phát cao khiến nhu cầu tiêu dùng giảm, dẫn tới đơn hàng mới giảm, tác động trực tiếp đến xuất khẩu của ngành gỗ.

Được biết, doanh nghiệp xuất khẩu đã áp dụng chính sách giảm giá để giữ khách hàng nhưng do nguồn hàng nhập khẩu từ năm trước với giá cao vẫn chưa tiêu thụ được nên đối tác chưa thể đặt hàng. Bên cạnh đó, thương mại quốc tế đối với đồ gỗ trong năm 2023 còn nhiều bất ổn, áp lực lạm phát làm giảm sức mua, chi phí năng lượng và các vấn đề về logistics. Các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU tiếp tục giảm nhu cầu nhập khẩu do những ảnh hưởng từ lạm phát, suy thoái kinh tế, niềm tin tiêu dùng thấp.

Trong đó, với các thị trường khu vực châu Âu, dù được các doanh nghiệp quan tâm do hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhưng tiêu chuẩn kỹ thuật, hợp chuẩn, yêu cầu chứng minh nguồn gốc gỗ... mà phía EU đặt ra vẫn là những vấn đề không dễ vượt qua.

Ngoài ra, việc EU áp dụng dự luật liên quan đến nạn phá rừng sẽ là thách thức không nhỏ đối với xuất khẩu gỗ vào thị trường này trong thời gian tới.

Với những khó khăn trong xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ khi nhu cầu giảm, dự báo nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam trong thời gian tới vẫn giảm do nhu cầu yếu của các nhà máy chế biến, cùng với việc các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xu hướng sử dụng nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước khi sản lượng khai thác tăng và để giảm chi phí đầu vào. Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, hai tháng đầu năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước đạt 18,8 nghìn ha, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, sản lượng gỗ khai thác đạt 1.982,1 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2022.

**+ Doanh nghiệp nhập khẩu:****Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao 2 tháng đầu năm 2023**

<b>Doanh nghiệp</b>	<b>Trị giá (nghìn USD)</b>
CTY TNHH TM ĐẠI LỢI	6.052
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VN	3.435
CTY TNHH KEESON ( BÌNH DƯƠNG)	2.217
CTY TNHH XNK VÀ TM HOÀNG KIM	1.929
CTY TNHH LONG HƯNG	1.888
CTY TNHH MINH	1.780
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VN	1.743
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VN)	1.431
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	1.363
CTY TNHH TM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VN	1.266
CTY CỔ PHẦN TÂN VĨNH CỬU	1.259
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	1.234
CTY TNHH TC XANH	1.176
CTY TNHH EIDAI VN	1.137
CTY TNHH AATT	1.087
CTY TNHH GỖ HUỖNH LÊ	1.044
CTY TNHH XNK TƯỜNG HÙNG	982

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH XNK VÀ TM ĐẠI HƯNG	888
CTY TNHH TM TINH DUỆ	876
CTY TNHH GỖ SEN TÔNG	836
CTY TNHH GỖ TNC	831
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VN)	797
CTY TNHH MOTOMOTION VN	793
CTY TNHH TIẾN LỢI	752
CTY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT MỸ ĐOÀN	704
CTY TNHH TM QUANG MINH YB	687
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP VIỆT PHÁT VN	667
CTY TNHH TM QUỐC TẾ VENUS	665
CTY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C	652
CTY TNHH MTV GỖ SHENG HE (VN)	649

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023

Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tuần từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu về Việt Nam đạt 40,5 triệu USD, giảm 8,4% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 8,9%; Lào giảm 20,7%; Braxin giảm 17,9%; Chilê giảm 9,6%; Pháp giảm 49,8%; Bỉ giảm 63,3%; New Zealand giảm 81,7%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 1,2%; Hồng Kông tăng 6.877,4%; Thái Lan tăng 12,8%; Singapore tăng 5.229,7%; Đức tăng 9,0%; Đài Loan tăng 4.944,4%; Nhật Bản tăng 949,8%...

**Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023 (ĐVT: nghìn USD)**

Thị trường	Kỳ từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023	So với tuần trước (%)
Tổng	40.522	-8,4
Trung Quốc	11.721	-8,9
Mỹ	6.630	1,2
Hồng Kông	5.831	6.877,4
Thái Lan	2.546	12,8
Lào	1.514	-20,7
Singapore	1.123	5.229,7
Braxin	1.027	-17,9
Chilê	878	-9,6
UAE	807	
Pháp	741	-49,8
Đức	659	9,0
Đài Loan	578	4.944,4
Nhật Bản	509	949,8
Bỉ	438	-63,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

**Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 14/3/2023 đến 21/3/2023**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ độc cần xẻ - 25x80mm, dài 1800mm, rộng 80mm, đk 25mm	33	266	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó 1.82-3.66 m, đk 25-43 cm	18	400	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn đk: 22.86-53.34cm, dài 1.83-3.66m	48	350	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn, đk: 25.4-55.88 cm, dài 1.8-5.2 m	50	489	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ bạch đàn đk từ 310 - 570mm, dài từ 3m - khoảng 11.6m	95	134	Australia	Cát Lái	C&F
Gỗ bạch đàn tròn đk trung bình từ 20-24,75cm, dài từ 2,1-5,8m	40	175	Nam Phi	Quy Nhơn	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ (độ dày: 33mm)	43	347	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ 20x127x2375-2450mm	5	538	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sậy (15-23mmx40-120mmx200-1300mm)	84	860	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Gỗ bồ đề tròn (đk: 305-660; dài: 2438-5182)mm	25	289	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ cao su xẻ (45mm*45-80mm*1300mm)	90	221	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ dày (22*55*1000)mm	41	246	Malaysia	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ(21-50mm*44-74mm*260-420mm)	40	411	Indonesia	Cát Lái	CIF
Gỗ cẩm dài: 180cm, rộng: 18cm, dày: 16cm	36	250	Cônggô	Cát Lái	FOB
Gỗ dương xẻ (2.0-2.4m x 0.16-0.25m x 45-50mm)	179	320	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ dẻ gai xẻ (38mm*228-319mm*2.5-3m)	32	361	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy dày 52mm x x dài 2.45m	3	636	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ gõ đũa rộng từ 30-52cm, dày 25-42 cm, dài 230-270cm	20	250	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ gõ xẻ dài (230-250)cm, rộng (60-70)cm, dày (50-70)cm.	20	200	Kenya	Hải Phòng	CFR
Gỗ gõ xẻ, dày (29-99)cm, rộng (4-90)cm, dài (150-510)cm	119	340	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ gõ xẻ, rộng từ 20cm, dày 20cm, dài 200cm	20	200	Gana	Cát Lái	C&F
Gỗ giổi xẻ (dài 180cm - 260cm, rộng từ 10cm - 61cm, dày từ 5cm - 28cm)	27	480	Papua New Guinea	Thanh Hóa	DAF
Gỗ giổi xẻ dày trên 6mm	74	400	Lào	Quảng Nam	DAF
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.80m - 2.20 m, rộng từ 0.19m - 0.42m, dày từ 0.20m - 0.23m	20	269	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.80m - 2.20 m, rộng từ 0.22m - 0.57m, dày từ 0.18m - 0.22m	20	231	Nam Phi	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dày (15 - 20)cm, rộng (30 - 70)cm, dài (220 - 280)cm	264	300	Ângôla	Nam Hải	C&F
Gỗ hương tròn, dài 5m, đk từ 40cm	247	215	Camêrun	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ dài từ 7-15 cm, rộng từ 32-61 cm, dài từ 180-235 cm	28	550	Thái Lan	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ, dài: 220-310cm, rộng: 10-40cm, dày: 4-10cm	19	369	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ hoàng dương xẻ (32mm*183-210mm*1.8-4.9m)	16	290	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim đũa dày 30 cm, rộng 30 cm, dài 221 cm	20	195	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 180cm, rộng: 10cm, dày: 6cm	37	220	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xanh dày: 37-64cm, rộng: 38-77cm, dài: 340cm	32	250	Campuchia	Cảng xanh	C&F
Gỗ lim xẻ (2 x 8 x 50)cm	55	280	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 2.3-2.7m, rộng: 29-65cm, dày: 28-61cm	22	308	Gana	Hải Phòng	CFR
Gỗ linh sam dày: 30mm, rộng 110mm, dài 3.0-5.1 m	174	200	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ linh sam xẻ (22 x 100 x 4200-5400)mm	88	220	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ dày 4/4, dài 7-16, rộng RW	222	246	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày 25.4mm, dài 1.8-3 m	3	400	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi tròn - đk 35-76cm, dài 2.4-11.9m	122	464	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày 27mm dài 2,55m - 2,60 m	27	867	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sến dài 240cm, rộng 33cm, dày 27cm	55	180	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ sến tròn, dài 4.9m, đk từ 39cm	791	215	Camêrun	Hải Phòng	C&F
Gỗ tần bì tròn đk: 26-66cm, dài 3.1-11.6m	168	200	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn dài từ 2.5m, đk từ 3m	277	176	Bỉ	Nam Hải	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ tần bì tròn, đk (30.00-90.00)cm, dài (3.0-11.5) m	258	301	Hà Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ tần bì tròn, đk: (31-56)cm, dài: (3-11.5)m	27	200	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày 50mm, dài từ 2300mm, rộng từ 100mm	28	590	Croatia	Hải Phòng	CIF
Gỗ thông nhật xẻ sậy (38x90x2000)mm	19	348	Nhật Bản	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ 22mm x 90mm up x 2.45m	45	220	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy - dài 3000mm, rộng 100mm, đk 25mm.	2	349	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy - dài 3000mm, rộng 125mm, đk 32mm.	3	350	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 45mm, dài (3,600-6,000m)	46	210	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày: 105mm, dài: (2800-2985)mm	54	200	Slovenia	Cát Lái	CPT
Gỗ thông xẻ sậy dày: 22mm, dài (3300-5400)mm	81	222	Hà Lan	Cát Lái	CPT
Gỗ thông xẻ sậy dày: 25mm. dài (3600-4200)mm	96	185	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày: 50mm, dài (4800-5400)mm	87	220	Phần Lan	Cát Lái	CPT
Gỗ thông xẻ, dày: 11mm, rộng 100mm, dài 1800mm	50	135	Braxin	Hải Phòng	CIF
Gỗ thích xẻ dày 50.8mm, rộng 7.5cm-40cm, dài 1.83m-4.88m	27	700	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ trần xẻ dày: 6/4- dài 7-10- rộng: RW	25	589	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn giá tỵ (teak) chu vi:50-59cm	26	129	Goatêmalá	Cát Lái	CFR
Gỗ vân sam trắng xẻ sậy dày 44mm, dài 2.400m-5.100m	21	230	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ dày 18.5mm, rộng 138mm, dài 3660mm	34	289	Đức	Cảng xanh	CFR
Gỗ xẻ anh đào sậy dài từ 5-16ft, rộng từ 4-20 inches, dày 6/4	34	660	Mỹ	Tiên Sa	CIF
Gỗ xẻ hồ đào sậy, rộng 4 inch, dài 6 feet, dày 1inch (25,4mm ( 4/4)	24	595	Mỹ	Quy Nhơn	CIF
Gỗ xoan đào xẻ dày trên 6mm	101	250	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ xoan đào xẻ, dài 240cm, rộng 28cm, dày 31cm	65	169	Ăngôla	Nam Hải	FOB
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 2.3-3.9m, rộng: 52-97cm, dày: 51-94cm	25	411	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Ván dăm - 14x1220x2440mm	70	115	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván dăm (35*1220*2440)mm	53	178	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván ép MDF dày 6mm (kích thước 6x1220x2440mm)	31	495	New Zealand	Hải Phòng	CFR
Ván MDF - (15mm x 1220mm x 2440mm)	33	260	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván plywood ( 189*260*18 )mm	2	340	Trung Quốc	Cát Lái	FOB

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## **Quý I/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam giảm mạnh**

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 02/2023 đạt 56,66 triệu USD, tăng 23,8% so với tháng 01/2023, nhưng giảm 16,3% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 102,42 triệu USD, giảm 41,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong tháng 3/2023 đạt 70 triệu USD, tăng 23,5% so với tháng 02/2023, nhưng giảm 21,5% so với tháng 3/2022. Tính chung trong quý I/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm ước đạt 172,42 triệu USD, giảm 35,1% so với cùng kỳ năm 2022

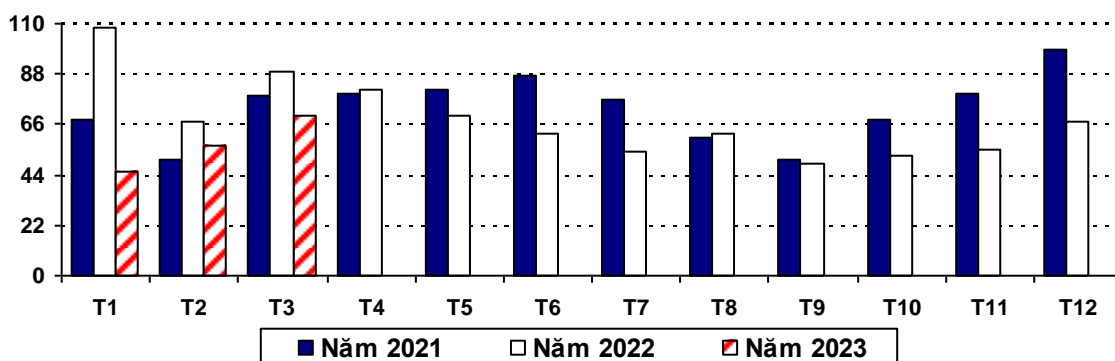
Thời gian qua, lạm phát toàn cầu đặc biệt ở các các thị trường xuất khẩu chính như thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, khiến sức mua của người tiêu dùng giảm. Tăng trưởng xuất khẩu năm 2023 sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như diễn biến xung đột tại Ucraina, tình hình kiểm chế lạm phát, diễn biến kinh tế ở các thị trường có quy mô nhập khẩu lớn trên thế giới. Về phía cung, tác động từ mở cửa nền kinh tế sau kiểm soát dịch Covid-19 của

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Trung Quốc có thể làm hàng hoá Việt Nam phải gặp cạnh tranh nhiều hơn tại các thị trường xuất khẩu.

Mặc dù vậy, cũng có nhiều yếu tố tích cực đối với hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu thủ công mỹ nghệ nói riêng như các hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục thực thi lộ trình cắt giảm thuế quan. Tuy nhiên, để nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường, các cơ sở, doanh nghiệp làng nghề cần trang bị những nền tảng cơ bản theo yêu cầu thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các sàn thương mại điện tử, công nghệ truy xuất nguồn gốc.

### Kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói và thảm qua các tháng (triệu USD)

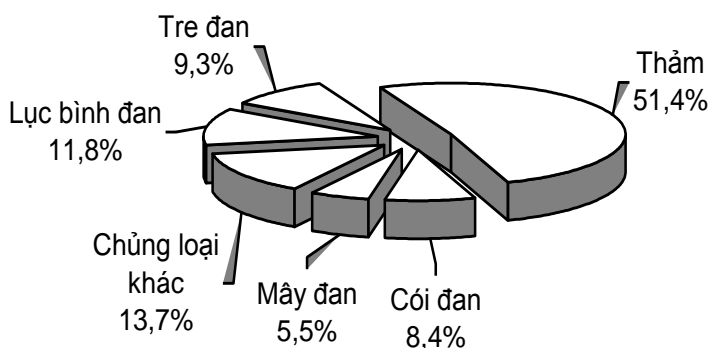


Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 3/2023

### Mặt hàng xuất khẩu chính

#### Cơ cấu mặt hàng mây, tre, cói và thảm xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2023

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2023, xuất khẩu nhiều chủng loại mây, tre, cói, thảm tăng so với tháng 01/2023, nhưng vẫn giảm so với tháng 02/2022. Cụ thể:

- Xuất khẩu thảm trong tháng 02/2023 đạt 30,44 triệu USD, tăng 37,1% so với tháng 01/2023, nhưng giảm 19,3% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm đạt 52,63 triệu USD, giảm 41,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 02/2023, xuất khẩu thảm giảm so với tháng 02/2022 chủ yếu là do xuất khẩu sang thị trường lớn nhất là Mỹ giảm mạnh, đạt 8,14 triệu USD, giảm 53,0%. Ngược lại, xuất khẩu thảm sang thị trường EU tăng 8,0% so với tháng 02/2022, Nhật Bản tăng 19,9%, Hàn Quốc tăng 31,1%.

- Xuất khẩu lục bình đơn trong tháng 02/2023 đạt 6,42 triệu USD, tăng 13,2% so với

tháng 01/2023, giảm 1,2% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đan đạt 12,09 triệu USD, giảm 40,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 02/2023, xuất khẩu lục bình đan sang 2 thị trường chủ chốt là Mỹ và EU đều giảm so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đan sang Mỹ và EU giảm mạnh, lần lượt giảm 42,5% và giảm 44,7% so với cùng kỳ năm 2022.

- Tháng 02/2023, xuất khẩu tre đan đạt 4,895 triệu USD, tăng 6,9% so với tháng 01/2023, giảm 13,1% so với tháng 02/2022; cói đan đạt 4,56 triệu USD, tăng 13,5% so với tháng 01/2023, giảm 24,4% so với tháng 02/2022; mây đan đạt 2,69 triệu USD, giảm 8,7% so với tháng 01/2023, giảm 19,6% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tre đan đạt 9,475 triệu USD, giảm 42,4% so với cùng kỳ năm 2022; cói đan đạt 8,58 triệu USD, giảm 48,8%; mây đan đạt 5,64 triệu USD, giảm 42,4%.

### **Thị trường xuất khẩu**

- *Thị trường EU:* Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 02/2023 đạt 15,79 triệu USD, tăng 13,8% so với tháng 01/2023, nhưng giảm 2,8% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang EU đạt 29,62 triệu USD, giảm 31,8% so với cùng kỳ năm 2022.

*Theo Cơ quan Thống kê Châu Âu (Eurostat),* trong năm 2022, nhập khẩu thủ công mỹ nghệ của EU tăng mạnh, đạt 10,25 tỷ EUR, tăng 15,2% so với năm 2021; trong đó, nhập khẩu mây tre (HS 46) đạt 1,10 tỷ EUR, tăng 27,0%, gồm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) đạt 4,47 tỷ EUR, tăng 25,1%, thảm đạt 4,68 tỷ EUR, tăng 5,1%.

Trong số các mặt hàng thủ công mỹ nghệ EU nhập khẩu từ Việt Nam thì mây tre là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất trong năm 2022 đạt 162,48 triệu USD, tăng 39,8% so với năm 2021; nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 121,90 triệu USD, tăng 43,0%; thảm đạt 74,36 triệu USD, tăng 38,9%.

Với mặt hàng mây tre thì Thụy Điển là thị trường thuộc EU mà mặt hàng mây tre của Việt Nam có thị phần lớn nhất, khi chiếm 40,32% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Thụy Điển; tiếp đến là Bungary (26,21%), Rumani (24,63%), Đức (21,71%), Đan Mạch (19,69%), ...

Với mặt hàng gốm sứ, Ai Len là thị trường mà mặt hàng này của Việt Nam có thị phần lớn nhất, khi chiếm 5,29% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Ai Len; tiếp đến là Đan Mạch (4,93%), Pháp (4,06%), Italia (3,73%)...

Tây Ban Nha và Síp là 2 thị trường mà mặt hàng thảm của Việt Nam có thị phần lớn nhất, khi đều chiếm 10,49% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này 2 thị trường trên; tiếp đến là Hy Lạp (9,50%), Hy Lạp (6,12%); Italia (3,74%), Ailen (2,79%)...

- *Thị trường Mỹ:* Tháng 02/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đạt 19,335 triệu USD, tăng 28,1% so với tháng 01/2023; giảm 36,8% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đạt 34,45 triệu USD, giảm 55,4% so với cùng kỳ năm 2022.

*Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ,* nhu cầu nhập khẩu thảm của Mỹ trong năm 2022 đã chững lại, đạt 3,59 tỷ USD trong năm 2022, giảm 8,3% so với năm 2021. Trong tháng đầu tiên của năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này của Mỹ tiếp tục giảm, đạt 288,635 triệu USD, giảm 6,0% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu thảm từ các thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Ai Cập, Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2022; ngược lại, nhập khẩu từ thị trường Ấn Độ, Mexico, Hàn Quốc, Pakistan, Hà Lan tăng.

Với mặt hàng mây tre (HS 46), nhập khẩu mặt hàng này của Mỹ trong tháng 01/2023 đạt 57,44 triệu USD, giảm 31,0% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, nhập khẩu từ các thị trường cung cấp chính là Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Philippin, Thái Lan

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gồm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) của Mỹ trong tháng 01/2023 giảm mạnh, đạt 169,47 triệu USD, giảm 31,1% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, nhập khẩu từ thị trường cung cấp lớn nhất là Trung Quốc giảm mạnh 39,6% so với cùng kỳ năm 2022 – tương đương giảm 70,37 triệu USD, bằng 92% tổng mức giảm nhập khẩu mặt hàng này vào Mỹ. Ngược lại, nhập khẩu gồm sứ mỹ nghệ của Mỹ từ Việt Nam trong tháng 01/2023 tăng mạnh 20,6% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 9,63 triệu USD.

**Thị trường xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Tháng 02/2023 (nghìn USD)	So với tháng 1/2023 (%)	So với tháng 2/2022 (%)	2 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022(%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2023	2 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>56.658</b>	<b>23,8</b>	<b>-16,3</b>	<b>102.424</b>	<b>-41,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
EU	15.786	13,8	-2,8	29.623	-31,8	28,9	24,7
<i>Pháp</i>	3.185	30,5	20,4	5.626	-30,7	5,5	4,6
<i>Tây Ban Nha</i>	2.718	6,2	-35,2	5.277	-44,3	5,2	5,4
<i>Hà Lan</i>	2.701	4,7	104,8	5.246	24,6	5,1	2,4
<i>Đức</i>	2.224	5,5	-15,8	4.333	-36,6	4,2	3,9
<i>Italia</i>	1.336	68,8	-22,3	2.127	-45,1	2,1	2,2
<i>Ba Lan</i>	999	-3,2	41,3	2.030	38,3	2,0	0,8
<i>Bỉ</i>	328	-47,9	-69,2	957	-64,7	0,9	1,5
<i>Thụy Điển</i>	623	103,3	16,9	930	-52,5	0,9	1,1
<i>Đan Mạch</i>	249	-52,4	-39,3	771	-56,2	0,8	1,0
<i>Hy Lạp</i>	372	55,3	167,1	611	1,2	0,6	0,3
<i>Rumani</i>	377	100,3	192,5	565	72,5	0,6	0,2
<i>Phần Lan</i>	169	11,5	177,4	321	-44,3	0,3	0,3
...							
Mỹ	19.335	28,1	-36,8	34.448	-55,4	33,6	44,0
Nhật Bản	5.174	44,0	24,8	8.766	-15,7	8,6	5,9
Anh	3.730	9,7	-15,4	7.131	-19,7	7,0	5,1
Ấn Độ	3.146	4,8	-5,5	6.148	-28,3	6,0	4,9
Canada	1.735	114,8	-9,7	2.543	-55,4	2,5	3,2
Hàn Quốc	1.305	53,3	24,1	2.153	-17,5	2,1	1,5
Ixraen	904	32,3	627,2	1.588	347,7	1,5	0,2
Australia	699	-14,8	-41,5	1.519	-65,1	1,5	2,5
Mexico	581	9,8	29,6	1.111	-27,3	1,1	0,9
Trung Quốc	708	137,2	37,8	1.006	-27,6	1,0	0,8
Malaysia	490	116,2	278,9	717	168,7	0,7	0,2
UAE	306	41,7	-21,9	522	-27,9	0,5	0,4
Indonesia	448	531,8	87,8	519	59,5	0,5	0,2
Thái Lan	243	54,3	-44,7	401	-56,8	0,4	0,5
Đài Loan	224	61,8	82,4	362	-23,4	0,4	0,3
Chilê	205	97,1	-40,3	309	-76,4	0,3	0,7
Nam Phi	78	-54,4	-56,6	249	-12,8	0,2	0,2
Kô-eot	201	319,2	196,5	249	-45,2	0,2	0,3
Ả Rập Xê út	18	-91,6	-90,6	232	-65,5	0,2	0,4
Na Uy	106	-14,1	599,7	229	41,3	0,2	0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	96	-22,9	1,6	221	-17,6	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan



## Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 21/02/2023 đến 07/3/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ mỹ nghệ trong kỳ từ 07/3/2023 đến 21/3/2023 đạt 30,10 triệu USD, giảm 2,9% so với kỳ trước (từ 21/02/2023 đến 07/3/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 16,71 triệu USD, giảm 1,2% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,33 triệu USD, tăng 19,0%; tre đan đạt 2,87 triệu USD, tăng 3,1%; cói đan đạt 2,27 triệu USD, giảm 4,2%; mây đan đạt 1,20 triệu USD, giảm 9,9%

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu tới 44 thị trường; trong đó có 5 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD: Hồng Kông đạt 11,03 triệu USD; Mỹ đạt 6,42 triệu USD, giảm 40,9% so với kỳ trước; Nhật Bản đạt 2,32 triệu USD, giảm 21,3%; Ấn Độ đạt 1,91 triệu USD, tăng 60,6% và Đức đạt 1,20 triệu USD, giảm 6,2%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Thảm thảm trải sàn, hình chữ nhật (300x400cm), xuất khẩu sang Đan Mạch có giá 754,0 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); bộ bàn ghế sofa bằng tre, bộ 4 cái gồm 1 bàn tre VSBF163, 1 ghế sofa 3 chỗ VSBF012, 2 ghế đơn VSBF013 - size: (L180xW75xH32/82, L70xW70xH35, L75xW75xH32/82) cm, xuất khẩu sang thị trường Hà Lan có giá 268,7 USD/bộ (FOB cảng Transimex); bàn cốt tre, khảm trai, kích thước: Dia 91 x H 44.5cm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 102,8 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); đèn sơn mài cốt tre kích cỡ 56x56xH158cm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 86,0 USD/cái (FOB cảng Cái Mép); chao đèn tre kích cỡ 63x53xH14.5cm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 70,2 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); giường tre BAMBED (210 x 80 x H36 cm), xuất khẩu sang thị trường Đan Mạch có giá 64,4/cái (FOB Cái Mép)...

### Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Thảm thảm trải sàn, hình chữ nhật (300x400cm) - Elba rug, Ash	Cái	1	754,0	Cát Lái
	Giường tre BAMBED (210 x 80 x H36 cm)	Cái	86	64,4	Cái Mép
	Giỏ cói tròn Dia43 x H61 cm	Cái	650	17,6	Cảng Xanh
	Sọt BASKMARKET-L (D60 x H65 cm)	Cái	120	5,2	Cái Mép
Đức	Giỏ cói tròn Dia43 x H61 cm	Cái	650	17,6	Cảng Xanh
	Túi bèo tây, kích cỡ 35x11xH28cm	Cái	2.430	13,0	Cái Mép
	Sọt lục bình, 37x28x20cm. Set of 3	Bộ	324	10,6	Cát Lái
Anh	Rương (lục bình và MDF) (124x47x49.5cm)	Cái	118	36,6	Cái Mép
	Giỏ tròn (lục bình và sợi giấy đan) (41x41x61cm)	Cái	200	14,2	Cái Mép
	Chậu trồng cây (lục bình)(34x34x56cm)	Cái	300	9,7	Cái Mép
	Khay sơn mài cốt tre kích thước (45x45x5)cm	Cái	424	8,4	Cái Mép
	Hộp đựng đồ (lục bình) (37x37x37cm)	Cái	100	8,3	Cái Mép
	Bàn sơn mài cốt tre kích thước (44.5x30x7)cm	Cái	216	8,0	Cái Mép
Australia	Thùng mây vuông 37x37xH63cm	Cái	25	41,9	Hải Phòng
	Giỏ mây chữ nhật 56x38xH18cm	Cái	40	19,9	Hải Phòng
	Khung gương mây, kích thước: D90 cm	Cái	430	15,9	Tân Vũ
	Quạt lá cọ, kích thước: 73 x72 cm	Cái	300	13,7	Tân Vũ
	Chậu Trồng cây bằng song mây D30 x H60cm	Cái	120	12,3	Tân Vũ
Ba Lan	Bộ ghế sofa tre (1 bộ bao gồm 2 ghế sofa : 70x70x65cm - 55x70x65 cm)	Bộ	131	52,8	Cát Lái
	Thang trang trí bằng tre. QC : 150x40x4cm	Cái	2.360	5,3	Cát Lái
	Giỏ bèo tây, kích cỡ D34xH37cm	Cái	1.632	4,2	Cảng Xanh
Canada	Giỏ làm từ cây lục bình, khung bằng sắt, bộ 9 chiếc, kích thước: D52/41xH52/58/65; D46/36xH47/51/57; D40/30xH42/46/54; 44x30xH20; 39x25xH18; 33x22xH14; D40xH11; D35xH9; D30xH7cm	Bộ	220	45,7	Lạch Huyện

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Túi mây CM2210; KT : D45/35xH10/17cm	Cái	100	13,8	Hải Phòng
Estonia	Khung gương mây, kích thước 80 x 5 x 180 (cm)	Cái	36	49,8	Tân Vũ
	Giá đỡ cây bằng mây, kích thước phi 30 x 70 (cm)	Cái	96	13,5	Tân Vũ
	Đôn bèo, kích thước phi 45 x 35 (cm)	Cái	66	11,2	Tân Vũ
	Khay mây, kích thước phi 35 x 4 (cm)	Cái	160	9,6	Tân Vũ
Hà Lan	Ghế đôi bằng tre, kích thước 1150x650x720 mm	Cái	116	31,6	Cát Lái
	Chao đèn ruột mây RMDEN-0072-04, kích thước 72 x 36.5 (cm)	Cái	30	26,4	Cái Mép
	Bàn tre, QC: 65x65x30cm	Cái	265	12,4	Cái Mép
	Chiếu làm từ sợi cói (1.2x3m)	Cái	989	8,7	Tân Vũ
Hàn Quốc	Chiếu cói/Sedge mats (160 x 220cm)	Cái	124	20,0	Green Port
	Thảm lục bình mã HI-03 ( 180 x 220 cm)	Cái	176	16,9	Cát Lái
	Sọt bèo (D40xH53) cm	Cái	300	16,2	Green Port
Hong Kong	Giỏ cói bộ 3 L49W34H24 cm	Bộ	1.300	9,2	Cái Mép
	Chao đèn mây; KT: Phi 35 cm x 35cm x 25cm	Cái	500	8,9	Tân Vũ
	Khay cói BN26102101S; KT: 38 cm x 15cm x 4cm	Cái	500	8,5	Tân Vũ
	Đèn tre GA92 43; KT: Phi 25 cm x 25cm x 40cm	Cái	575	8,5	Tân Vũ
Hy Lạp	Rương lục bình, 51cm x 36cm x H64cm; 46cm x 31cm x H60cm	Bộ	70	26,0	Cái Mép
	Sọt mây, Kích thước: D38cm x H5cm; D34cm x H4cm	Bộ	60	13,4	Cái Mép
	Quạt cói DV910 7 B; KT: 45 cm x 25cm x 9cm	Cái	300	11,6	Gemalink
	Chao đèn mây BNH10307; KT: Phi 50cm x40cm	Cái	200	9,5	Gemalink
Ixraen	Bộ 4 thanh tre đứng, cửa quầy buffet CANVAS, 1627x40x40mm	Bộ	12	43,4	Lạch Huyện
	Hộc tre đa năng, màu tự nhiên, cửa quầy buffet CANVAS, 445x380x105mm	Cái	58	22,2	Lạch Huyện
Mỹ	Bàn cốt tre, khảm trai. Kích thước: Dia 91 x H 44.5cm	Cái	75	102,8	Lạch Huyện
	Đèn sơn mài cốt tre kích cỡ 56x56xH158cm	Cái	100	86,0	Cái Mép
	Chao đèn tre kích cỡ 63x53xH14.5cm	Cái	180	70,2	Lạch Huyện
	Thùng cói D45xH63cm	Cái	150	58,0	Lạch Huyện
	Đôn sơn mài khảm trai PLT5741 , kt : D76xH43 cm(+/-1)	Cái	75	55,7	Cảng Xanh
	Bộ 8 rương lục bình, KT: 47x47x61 (cm)	Bộ	420	43,5	Cái Mép
	Bộ 9 sọt lục bình, KT: 71x44x41cm	Bộ	48	41,2	Cái Mép
	Bộ 2 lọ hoa mây tròn D 29x H38cm	Cái	38	29,2	Lạch Huyện
	Giỏ tre (bộ 3), kích cỡ 44x41xH33cm; 38.5x35.5xH31cm; 31x34xH28cm	Bộ	359	21,1	Lạch Huyện
	Khay bèo tây: TT-TCS.20014 ( D40xH50cm)	Cái	204	20,8	Cái Mép
Nhật Bản	Giỏ mây, kích thước DIA30x30cm	Cái	60	15,8	Cảng Xanh
	Hộp tre mã TDHOP-0017-11,kích thước:50x34x29cm	Cái	100	15,1	Hải Phòng
Pháp	Hòm mây: TTR200986 ( 52x48xH100cm)	Cái	60	42,0	Tân Vũ
	Chao đèn bằng cói: TTS22986 ( 37.5x82x82cm)	Cái	600	40,2	Tân Vũ
	Khay bèo chữ nhật bốn tầng 35x45xH115cm	Cái	74	36,8	Gemalink
	Cũi cói tròn D48xH155cm	Cái	40	29,5	Gemalink
	Chậu tre tráng xi măng hình tròn - KT 60.0x60.0x49.0H(cm)	Cái	60	28,0	Cái Mép
Qata	Rương cói xe tự nhiên, KT 65*37.5*H56.5cm	Cái	200	27,6	Tân Vũ
	Khay mây; KT: Phi 40cm x 4.5/8cm	Cái	300	12,5	Cảng Xanh
	Lồng bàn tre; KT: 30cm x 30cm x 29cm	Cái	500	12,5	Cảng Xanh
Tây Ban Nha	Giỏ cói; KT: Phi 24cm x 24cm	Cái	400	11,8	Cảng Xanh
	Ghế tre. KT: 130x70x35/80cmH	Cái	225	43,6	VICT
	Giường tre. KT: 200x70x30mH	Cái	100	27,8	Cát Lái
Thụy Điển	Bàn tre. KT: 45x45x45cmH	Cái	100	14,4	Cát Lái
	Khay bèo tây: TTW57x38cm	Cái	648	11,0	Cảng Xanh
	Ghế đôn bèo tròn D50xH30 cm	Cái	1.580	10,2	Cảng Xanh

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Hiệp hội Nội thất Nga đề xuất áp thuế 50% đối với đồ nội thất nhập khẩu từ Châu Âu

Theo nguồn wood365.cn, bị ảnh hưởng bởi cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina, Châu Âu từ chối nhập khẩu gỗ từ Nga, hiện tại các thương nhân gỗ của Nga đang phải đối mặt với những thách thức lớn để duy trì ngành gỗ.

Bên cạnh đó, nhiều công ty vật liệu trang trí nội thất đến từ châu Âu cũng tuyên bố rút khỏi thị trường Nga như IKEA, Home Shijia, Hansgrohe. Cụ thể, IKEA đã chọn cách rút lui khỏi thị trường Nga vào năm 2022 và được chính phủ Nga chấp thuận bán 3 nhà máy của IKEA tại Nga vào tháng 2/2023.

Trong khi đó, đồ nội thất từ châu Âu vẫn có thể nhập khẩu thị trường Nga. Về vấn đề này, nhiều thương nhân buôn bán gỗ và đồ nội thất của Nga thấy chưa hợp lý. Theo Giám đốc điều hành Hiệp hội các doanh nghiệp chế biến gỗ và đồ gỗ Nga (AMDPR), các nhà sản xuất châu Âu vẫn có thể cung cấp cho thị trường Nga theo ý muốn mà không lo bị từ chối hay các vấn đề về thuế quan.

Theo đó, Hiệp hội các doanh nghiệp chế biến gỗ và đồ nội thất Nga (AMDPR) đã chuẩn bị một loạt đề xuất cho Bộ Công Thương Nga, trong đó có đề xuất áp thuế lên tới 50% đối với đồ nội thất nhập khẩu từ châu Âu.

Theo ước tính của Hiệp hội các doanh nghiệp nội thất và chế biến gỗ Nga, do người tiêu dùng chính của IKEA tại Nga là cư dân thành thị với dân số ít nhất một triệu người ở Moscow và St. Petersburg nên vào năm 2022, thị phần của IKEA tại Nga có thể không vượt quá 3%. Sau khi IKEA rời thị trường Nga, "thị phần không đáng kể" này lập tức bị các nhà sản xuất nội địa Nga chiếm giữ.

Theo chủ tịch AMDPR kiêm tổng giám đốc "\*\*\* Furniture Factory", hiện tại, không có hạn chế nào đối với việc đưa các sản phẩm của IKEA vào thị trường Nga. Nga hiện không có hạn chế đối với việc nhập khẩu các sản phẩm đồ nội thất từ châu Âu vào thị trường Nga.

Hiệp hội các doanh nghiệp chế biến gỗ và đồ nội thất Nga cho rằng ngành công nghiệp đồ nội thất Nga cần sự hỗ trợ của chính phủ, bao gồm cả việc giúp các nhà sản xuất phát triển các thị trường xuất khẩu mới. Ví dụ, đề xuất mở rộng trung tâm xuất khẩu của Nga và áp dụng kinh nghiệm của các doanh nghiệp nông nghiệp đối với thị trường nước ngoài cho ngành đồ nội thất của Nga.

Việc Bộ Công Thương Nga có thông qua đề xuất của Hiệp hội các Doanh nghiệp Nội thất và Chế biến Gỗ về việc áp thuế lên tới 50% đối với đồ nội thất nhập khẩu từ châu Âu hay không vẫn còn phải chờ xác nhận.

### Ngành lâm nghiệp Thụy Điển đạt xuất khẩu đạt mức cao trong năm 2022, nhờ giá tăng

Theo nguồn Lesprom, ngành lâm nghiệp Thụy Điển đã ghi nhận trị giá xuất khẩu đạt 182 tỷ Krona (tương đương 17,7 tỷ USD) vào năm 2022.

Ngành lâm nghiệp tăng mạnh là nhờ giá bột giấy và giấy tăng cao, mặc dù lượng xuất khẩu giảm. Xuất khẩu giấy và bột giấy của Thụy Điển đạt 136 tỷ Krona (tương đương với 13,2 tỷ USD), tăng 24,8% so với năm 2021, chiếm 74,7% tổng trị giá xuất khẩu của ngành lâm nghiệp. Trong khi đó, trị giá xuất khẩu sang phẩm gỗ vẫn ở ổn định như năm 2021.

Tuy nhiên, trong những tháng đầu năm 2023, giá của hầu hết các sản phẩm đã giảm trong khi lượng giao hàng vẫn ở mức thấp.

Dấu hiệu chậm lại của ngành lâm nghiệp là do tình hình chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cao, cùng với đó là nhu cầu thị trường giảm.

Sản lượng gỗ xẻ của Thụy Điển tăng mạnh, tuy nhiên cũng chưa vượt qua được mức kỷ lục trong năm 2021. Trong năm 2022, xuất khẩu các sản phẩm lâm nghiệp của Thụy Điển tăng mạnh vào tháng 3/2022 và mức cao nhất từ trước tới nay tính theo tháng vào tháng 12/2022.

Bất chấp thực tế là thị trường châu Âu về cuối năm chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi lạm phát, chi phí lãi suất cao, giá năng lượng cao và bất ổn địa chính trị, nhưng thay vào đó, các thị trường toàn cầu khác đã duy trì nhu cầu đối với các sản phẩm gỗ của Thụy Điển.

Năm 2022 mang lại nhiều kết quả đáng ngạc nhiên và lượng giao hàng mạnh trong tháng 12/2022 là điều gây bất ngờ nhất. Khi nhu cầu từ Ai Cập và Trung Quốc tăng cao, lượng hàng tồn kho tại các xưởng cưa của Thụy Điển đã giảm mạnh.

## **EU thông qua quy định sản phẩm không phá rừng**

Theo nguồn [panelsfurnitureasia.com](https://panelsfurnitureasia.com), một luật mới của EU ngăn chặn việc nhập khẩu các mặt hàng liên quan đến nạn phá rừng có thể gây rủi ro cho các nhà sản xuất gỗ và đồ nội thất hoặc nông dân, những người không thể đáp ứng chi phí cao để tuân thủ các tiêu chuẩn mới này được thông qua.

Trước ngày Hội nghị quan trọng về Đa dạng sinh học (COP15) diễn ra vào tháng 12/2022, Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu đã đạt được thỏa thuận về các điều khoản của quy định mới đối với các sản phẩm không phá rừng. Được khởi xướng lần đầu tiên vào năm 2021 trong khuôn khổ Thỏa thuận xanh, quy định này là một phần trong nỗ lực lớn hơn của cơ quan lập pháp châu Âu nhằm điều chỉnh chuỗi cung ứng quốc tế.

EU đã đồng ý về một quy định chống phá rừng mới. Quy định mới đặt ra các quy tắc bắt buộc đối với các công ty muốn đưa các sản phẩm có liên quan vào thị trường EU hoặc xuất khẩu chúng. Các nhà khai thác và thương nhân sẽ phải chứng minh rằng các sản phẩm đều không liên quan đến phá rừng (được sản xuất trên đất không bị phá rừng sau năm 2020) và hợp pháp (tuân thủ tất cả các luật hiện hành có liên quan có hiệu lực tại quốc gia sản xuất).

### **Phạm vi điều chỉnh**

Phạm vi của quy định về các sản phẩm không phá rừng cụ thể trong Quy định về Gỗ của EU và tuân theo khuôn mẫu tương tự như Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp của EU:

**Các ngành chịu tác động:** Dầu cọ, thịt bò, gỗ, cà phê, ca cao, đậu nành và cao su phải tuân theo các quy tắc thẩm định bắt buộc. Những mặt hàng liên quan này và các sản phẩm của chúng, ví dụ hầu hết đồ nội thất là sản phẩm gỗ, do đó bị cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu từ thị trường EU nếu chúng liên quan đến nạn phá rừng. Vì vậy các sản phẩm nội thất gỗ phải được sản xuất theo quy định pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất.

**Bảo vệ nhân quyền:** Vì phá rừng thường liên quan đến vi phạm nhân quyền nên phạm vi của quy định đã được mở rộng để bao gồm các nghĩa vụ nhân quyền. Do đó, sản phẩm phải được sản xuất tuân thủ luật pháp liên quan của quốc gia sản xuất về quyền con người và quyền của người dân bản địa.

**Các định nghĩa chính được ghi nhận:** Lần đầu tiên, nhà lập pháp châu Âu định nghĩa thế nào là phá rừng, được coi là “việc chuyển đổi rừng sang sử dụng cho mục đích nông nghiệp, dù do con người gây ra hay không”. Suy thoái rừng, một khái niệm mới, bao gồm “các hoạt động khai thác không bền vững và làm giảm hoặc mất năng suất sinh học hoặc kinh tế và tính phức tạp của các hệ sinh thái rừng, dẫn đến giảm lâu dài nguồn lợi tổng thể từ rừng, bao gồm gỗ, đa dạng sinh học và các sản phẩm hoặc dịch vụ khác.

**Các nhóm lớn hơn chịu trách nhiệm:** Đối với các nhà khai thác và thương nhân không phải là doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nghĩa vụ do quy định đặt ra là như nhau. Phạm vi thực sự đã được mở rộng so với Quy định về Gỗ của EU và nghĩa vụ của các thương nhân lớn không còn bị giới hạn trong việc truy xuất nguồn gốc

## THAM KHẢO

### Nhiều lưu ý về C/O mẫu D

Kể từ ngày 1/4/2023, các nước thành viên sẽ khai báo mã số HS 2022 trên chứng từ chứng nhận xuất xứ.

Trên cơ sở kết quả Phiên họp Tiểu ban Quy tắc xuất xứ lần thứ 41 (SC-AROO 41) và Ủy ban điều phối thực thi Hiệp định ATIGA (CCA 41), Tổng cục Hải quan vừa hướng dẫn cục hải quan các tỉnh, thành phố liên quan đến áp dụng C/O mẫu D.

Cụ thể, về mã số HS trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, các nước thành viên chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ (C/O bản giấy, C/O điện tử và chứng từ tự chứng nhận xuất xứ) sử dụng mã HS 2017 được cấp đến ngày 31/3/2023. Kể từ ngày 1/4/2023, các nước thành viên sẽ khai báo mã số HS 2022 trên chứng từ chứng nhận xuất xứ.

Về C/O cấp sau nhưng không đáp ứng quy định (không đánh dấu vào ô cấp sau “Issued Retroactively” tại ô số 13 trên C/O), Tổng cục Hải quan cho biết, đối với trường hợp C/O điện tử, cục hải quan các tỉnh, thành phố kiểm tra tính hợp lệ của C/O, đối chiếu với tờ khai hải quan và bộ hồ sơ lô hàng nhập khẩu, nếu không có nghi ngờ về xuất xứ hàng hóa thì xem xét chấp nhận C/O theo quy định.

Đối với trường hợp C/O bản giấy, cục hải quan các tỉnh, thành phố chưa thực hiện từ chối, gửi báo cáo về Tổng cục Hải quan (qua Cục Giám sát quản lý về hải quan) để thực hiện xác minh.

Tổng cục Hải quan cũng yêu cầu các đơn vị hải quan địa phương tổng hợp số lượng C/O bản giấy từ các nước ASEAN theo từng tháng và tổng hợp số lượng chứng từ tự chứng nhận xuất xứ từ các nước ASEAN theo từng tháng được cơ quan Hải quan xem xét chấp nhận.

### Tình hình sản xuất lâm nghiệp

Theo Tổng cục thống kê, sản xuất lâm nghiệp tập trung thực hiện phong trào Tết trồng cây, thu hoạch gỗ đến tuổi khai thác, chăm sóc, bảo vệ và chống cháy rừng. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước đạt 18,8 nghìn ha, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 17,0 triệu cây, tăng 7,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.982,1 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 3,1%; diện tích rừng bị thiệt hại là 97,7 ha, giảm 29,1%, trong đó diện tích rừng bị cháy gần 6 ha, gấp 3,6 lần; diện tích rừng bị chặt, phá 91,7 ha, giảm 32,6 %.

### Hội chợ Ngành lâm sản Thụy Điển

Theo Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (Kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland), Hội chợ Ngành lâm sản Thụy Điển quy tụ hơn 130 nhà triển lãm, trưng bày sản phẩm về ngành lâm nghiệp như máy móc, phụ kiện dùng cho ngành lâm nghiệp.

Thông tin chi tiết của Hội chợ:

Thời gian: 1-3/6/2023

Địa điểm: Trung tâm triển lãm lâm nghiệp, Solvalla, Stockholm, Thụy Điển

Website: [www.forestryexpo.se](http://www.forestryexpo.se)

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**